

BÁO CÁO Thường niên 2013

Công ty cổ phần
sản xuất - Thương mại May Sài Gòn



2009 - 2013

Top 50

Doanh nghiệp niêm yết tốt nhất
Việt Nam

Kính thưa Quý Cổ Đông,

Nền kinh tế năm 2013 mang đến một bức tranh với nhiều gam màu tươi sáng và nhiều triển vọng hơn hẳn năm trước. Lạm phát được duy trì ở mức thấp, GDP tăng trưởng ổn định, lãi suất cho vay giảm, công tác giải quyết nợ xấu của các ngân hàng được nâng cao... Song đâu đó vẫn còn nhiều những khó khăn thách thức mà các doanh nghiệp Việt Nam phải đối mặt, trong đó có GMC. Trong 5 năm vừa qua, Garmex Saigon đã hoạt động trong bối cảnh phức tạp và biến động. Kinh tế thế giới hồi phục chưa vững chắc vì tình trạng nợ công kéo dài ở Châu Âu cũng như suy thoái ở Mỹ. Cùng với đó tại Việt Nam, gắn liền với những diễn biến của kinh tế thế giới là những khó khăn như chi phí đầu vào tăng cao qua các năm, hàng tồn kho chất chồng, thị trường đóng băng, lòng tin suy giảm,...



Trong hoàn cảnh đầy thách thức đó, HĐQT và Ban điều hành Công ty đã chủ động dự báo và đưa ra những quyết sách linh hoạt, kịp thời, đồng hành cùng các khách hàng để tìm ra những phương hướng cải tiến và đổi mới trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Kết quả là Công ty đã đạt được mức tăng trưởng ấn tượng trong 5 năm qua. Cụ thể trong năm 2013, Công ty đạt 1.250 tỷ đồng doanh thu, tốc độ tăng trưởng bình quân tính từ năm 2009 là 28,3%/năm; lợi nhuận trước thuế đạt 65,1 tỷ đồng cao gấp 1,54 lần con số của năm 2009; lợi nhuận sau thuế đạt 49,3 tỷ đồng. Bên cạnh đó, trong năm 2013 Công ty còn đạt được một số thành tích khác như được bình chọn trong top 50 Doanh nghiệp niêm yết tốt nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam của Forbes Việt Nam; Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cao nhất Việt Nam và là một trong 500 Doanh nghiệp tư nhân có qui mô lớn nhất Việt Nam.

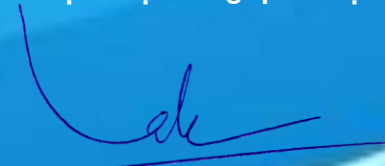
Đạt được những thành quả như trên là nhờ sự đoàn kết, nỗ lực hết mình của tập thể Ban lãnh đạo và CBCNV của Công ty cũng như sự giúp đỡ, tin tưởng của Quý cổ đông, các đối tác và khách hàng. Thay mặt HĐQT tôi xin ghi nhận những đóng góp này và xin gửi lời tri ân chân thành đến Quý vị.

Năm 2014 tới đây được nhận định là năm bản lề của kinh tế Việt Nam với nhiều cơ hội và thách thức mới. Kinh tế toàn cầu sẽ diễn biến khởi sắc hơn nhưng phục hồi còn chậm. Diễn biến tình hình thời tiết thuận lợi cho việc kinh doanh mặt hàng truyền thống của Công ty. Tuy nhiên vấn đề tranh chấp đang diễn ra tại Ukraine có thể tiềm ẩn những rủi ro tác động lên thị giá hàng hóa chiến lược. Đối với kinh tế Việt Nam, các chính sách vĩ mô tiến bộ, dòng tiền đầu tư nước ngoài chảy mạnh hơn và chính sách cổ phần hóa DNNN sẽ là những tiền đề quan trọng cho sự hồi phục và phát triển bền vững. Nhận định được tình hình trên, HĐQT và Ban điều hành sẽ tiếp tục chỉ đạo các phương hướng sản xuất kinh doanh phù hợp, tận dụng ưu thế và cơ hội, hạn chế rủi ro để tạo ra giá trị lớn nhất cho cổ đông.

Một lần nữa tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc cũng như lời chúc tốt đẹp nhất đến Quý cổ đông, các đối tác và Quý vị khách hàng. GMC sẽ luôn phấn đấu hết mình để xứng đáng với sự tin tưởng và ủng hộ Quý vị đã dành cho chúng tôi.

Trân trọng!

Chủ tịch Hội đồng quản trị


Lê Quang Hùng

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG

6

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD

21

III. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

39

IV. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

56

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

66

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

77

PHẦN I – THÔNG TIN CHUNG

6

Tổng Quan Doanh Nghiệp

7

Quá trình hình thành và phát triển

9

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

11

Mô hình quản trị và bộ máy quản lý

15

Định hướng phát triển

17

Các yếu tố rủi ro

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN**
- Tên tiếng anh: SAIGON GARMENT MANUFACTURING TRADE JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: GARMEX SAIGON JS CO.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300742387 do Sở KH-ĐT Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày lần đầu 07/01/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 12/03/2013
- Vốn điều lệ: 106.324.310.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 106.324.310.000 VNĐ
- Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (08) 3984 4822
- Số fax: (08) 3984 4746
- Website: www.garmexsaigon-gmc.com
- Mã cổ phiếu: **GMC**

TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP
TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP



GARMEX
 Saigon js



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

Thành lập Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Thương mại May Sài Gòn (Garmex SaiGon).

Cổ phần hóa Garmex SaiGon và trở thành CTY CP SX – TM May Sài Gòn vào ngày 07/01/2004.

- ✓ Công ty thành lập Xí nghiệp may Tân Phú và Xí nghiệp giặt Bình Chánh
- ✓ Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Phú Mỹ
- ✓ Trở thành thành viên liên kết với Công ty Dệt may Gia Định

- ✓ Cổ phiếu của Công ty CP SX – TM May Sài Gòn chính thức được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh – Mã chứng khoán: GMC
- ✓ Thành lập Công ty TNHH May Tân Mỹ

1993

2004

2005

2006

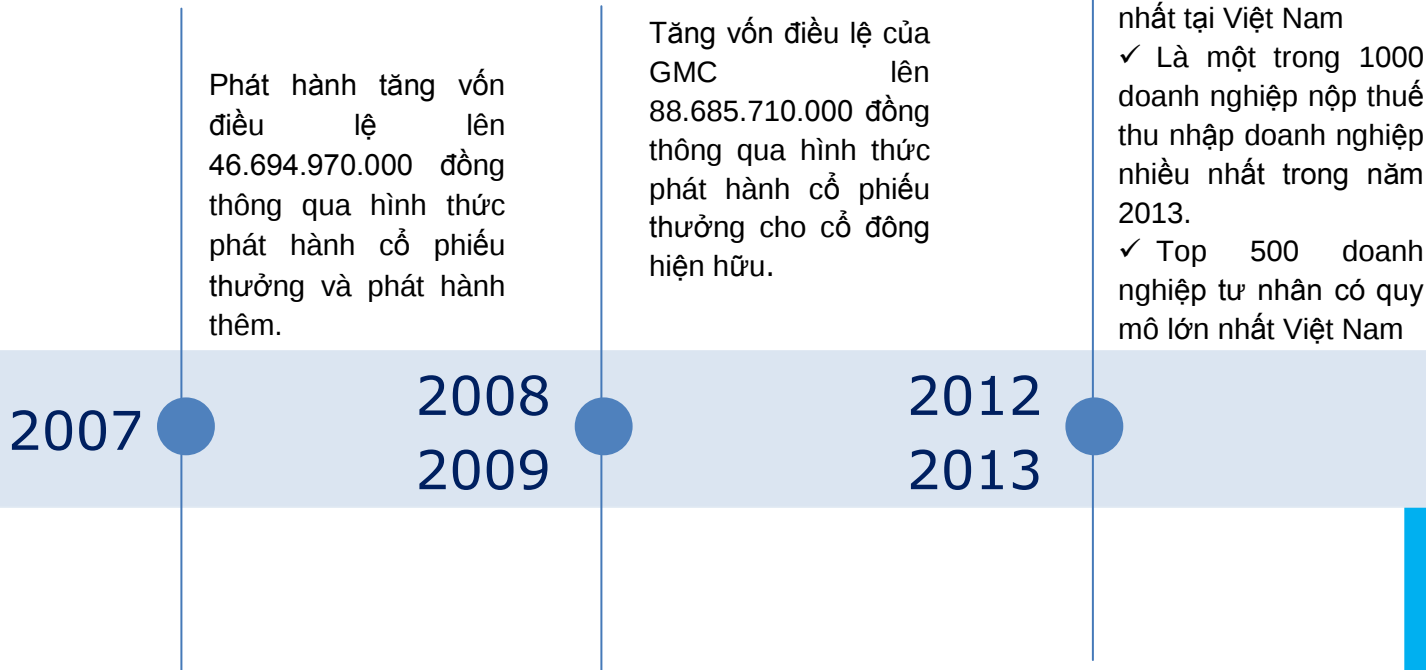
106,324

tỷ đồng

VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2013

Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại May Sài Gòn tiền thân là Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu May Sài Gòn, chính thức thành lập vào năm 1993 từ việc tổ chức lại Liên hiệp xí nghiệp May Thành Phố Hồ Chí Minh. Theo chủ trương và quyết định của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đã chính thức hoạt động dưới hình thức CTCP ngày 07/01/2004, đăng ký lại lần thứ 10 ngày 12/03/2013.

Tiếp bước trưởng thành...



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú).

Sản xuất vải dệt thoi, dệt kim

Hoàn thiện sản phẩm dệt, đan móc và vải không dệt khác.

Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép, bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh.

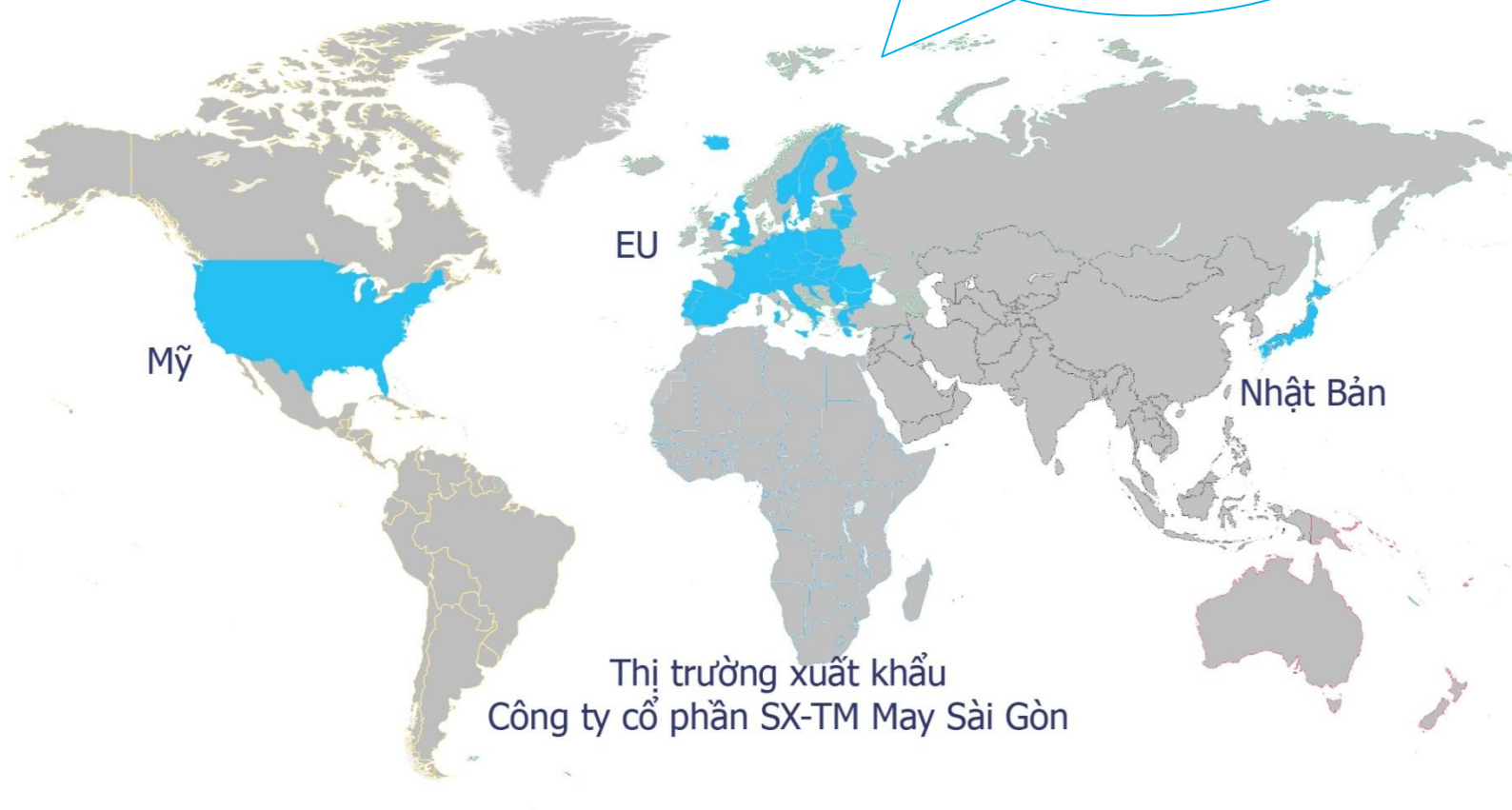
Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
Vận tải hành khách đường bộ khác.



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Biểu đồ bên cho thấy hơn 80% doanh thu của Công ty đến từ thị trường xuất khẩu với cơ cấu : 48% đến từ thị trường Mỹ, 53% đến từ thị trường EU và 9% đến từ thị trường Nhật Bản và các thị trường khác.



Thị trường nội địa: Kết hợp với hệ thống bán lẻ **Blue Exchange**

THE BLUES

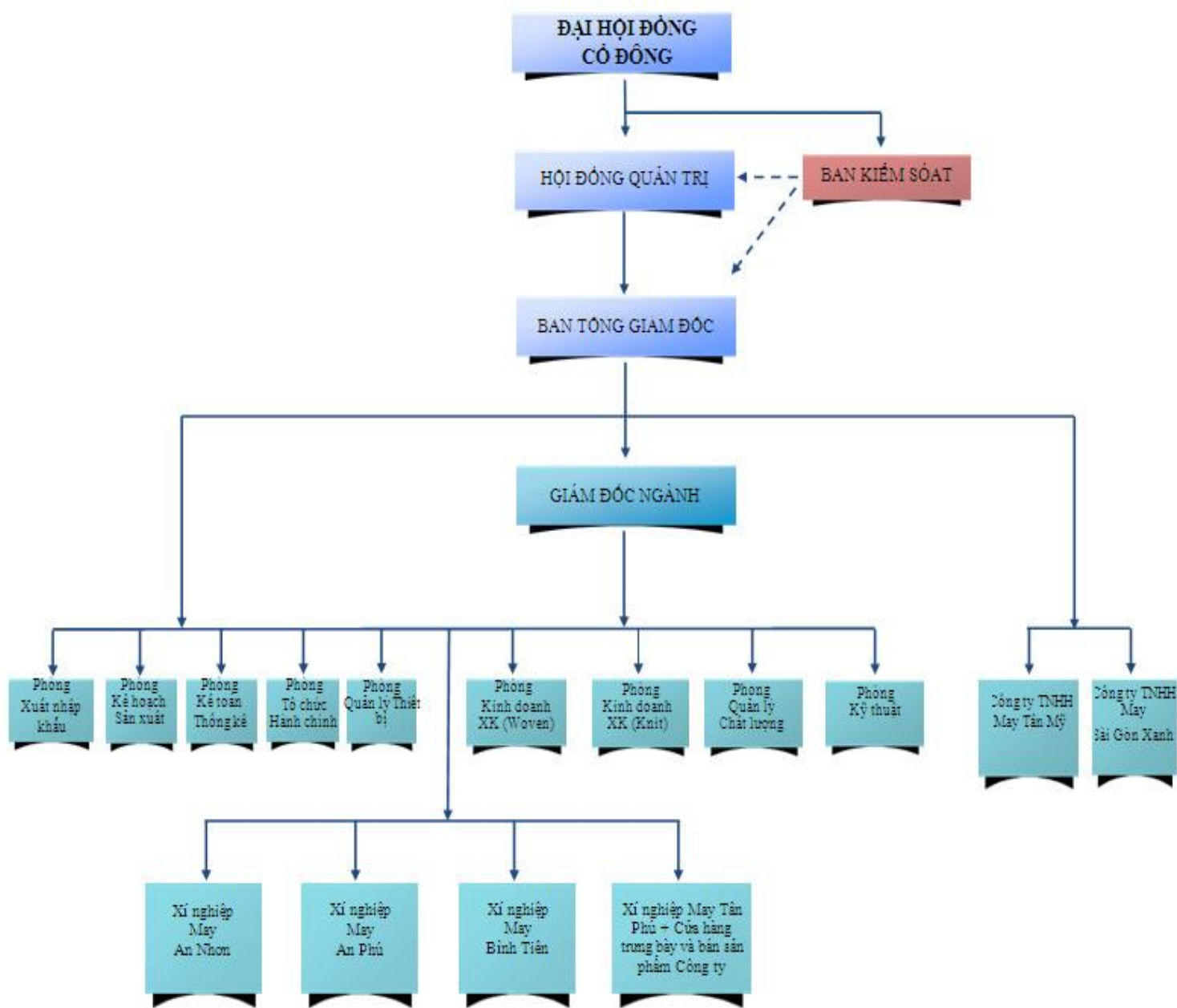
Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn hoạt động theo mô hình quản trị được xây dựng và tổ chức hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam 2005 với các thiết chế quan trọng gồm ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS và BGĐ. Là Công ty đại chúng niêm yết khá lâu trên Thị trường chứng khoán, Công ty áp dụng khá chặt chẽ, bám sát quy định, hướng dẫn của các Quy định hiện hành về cấu trúc HĐQT cũng như vai trò của BKS.

Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để quản lý hoặc chỉ đạo hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty. Hội đồng quản trị của Công ty gồm 07 thành viên, nhiệm kỳ 05 năm.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Ban kiểm soát cũng là một thiết chế quan trọng đóng vai trò kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT và các thành viên trong HĐQT và BGĐ. Ban kiểm soát là một cơ quan độc lập thực sự gồm 03 thành viên, hoạt động độc lập với bộ máy điều hành và có chức năng quan trọng là thực hiện công tác giám sát để bảo vệ cổ đông, bảo vệ công ty và những người có quyền lợi liên quan đến GMC. Các quyền và nghĩa vụ của BKS đều tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp 2005 cũng như Thông tư 121/2012/TT-BTC.

Sơ đồ tổ chức



Cơ cấu tổ chức hoạt động sản xuất



Văn phòng Công ty:

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, P.17, Q.Gò Vấp, Tp.HCM

Điện thoại: (84) 08.3.984.4822

Fax: (84) 08.3.984.4746

Website: <http://www.garmexsaigon-gmc.com>

Xí nghiệp May An Nhơn:

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, P.17, Q.Gò Vấp, Tp.HCM

Điện thoại: (84) 08.3.984.4822

Fax: (84) 08.3.984.4746



Xí nghiệp May Bình Tiên

Địa chỉ: 55E Minh Phụng, P.5, Q.6, Tp.HCM

Điện thoại: (84) 08 3969 2545

(84-8) 39 694 572

Xí nghiệp May An Phú

Địa chỉ: 14/5 Ấp Chánh 2, xã Tân Xuân, H.Hóc Môn, Tp.HCM

Điện thoại: (84) 08.37108548

Fax: (84) 08.37109135



Xí nghiệp May Tân Phú

Địa chỉ: 332 Lũy Bán Bích, P.Hòa Thạnh, Q.Tân Phú, Tp.HCM

Điện thoại: (84) 08.3973 8831

Fax: (84-8) 5923102

Danh sách Công ty con, công ty liên kết

Công ty con



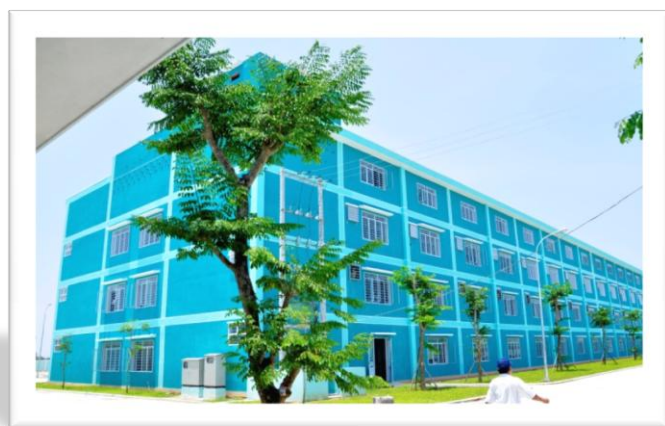
Công ty TNHH May Tân Mỹ

Địa chỉ: Cụm công nghiệp - TNCN Hắc Dịch, Ấp Trảng Cát, xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, BR-VT

Lĩnh vực sản xuất chính: Sản xuất các loại hàng dệt kim và dệt thoi

Vốn điều lệ thực góp: 15.000.000.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu của GMC: 100%



Công ty TNHH May Sài Gòn Xanh

Địa chỉ: 332 Lũy Bán Bích, P.Hòa Thạnh, Q.Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh

Lĩnh vực kinh doanh chính: May trang phục; sản xuất vải dệt thoi; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy móc; bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép...

Vốn điều lệ thực góp: 34.381.593.918 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu của GMC: 51%

Công ty liên kết



Công ty cổ phần Phú Mỹ

Địa chỉ: Ấp Trảng Cát, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, BR-VT

Lĩnh vực kinh doanh chính: Phát triển hạ tầng KCN, cụm công nghiệp; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Cung cấp các dịch vụ liên quan trong đầu tư và vận hành KCN, cụm công nghiệp

Vốn điều lệ thực góp: 4.341.000.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu của GMC: 32.47%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

ĐỊNH HƯỚNG TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Tiếp tục thực hiện phương thức FOB – mua nguyên vật liệu về sản xuất và bán thành phẩm thay vì làm hàng gia công – kết hợp với chuyển đổi chiến lược sản phẩm theo hướng gia tăng giá trị nguyên phụ liệu hoặc áp dụng công nghệ mới...phù hợp với năng lực lõi của GMC nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Thiết lập và củng cố cơ chế xúc tiến khách hàng theo tiêu chí phù hợp với chủ trương về cơ cấu thị trường, cơ cấu sản phẩm, mùa vụ, phương thức kinh doanh trong từng giai đoạn để linh hoạt trong kế hoạch sản xuất kinh doanh, đảm bảo tăng trưởng bền vững.
- Thử nghiệm phương thức kinh doanh ODM (Original Design Manufacturer - tự thiết kế, sản xuất và bán sản phẩm cho khách hàng) nhằm tạo sự khác biệt trong cạnh tranh và nâng cao giá trị gia tăng.

MỤC TIÊU CHUNG

Mục tiêu chung: “Củng cố và phát triển nguồn lực Công ty, vượt qua thách thức, tăng trưởng bền vững để trở thành một trong những Công ty may mặc tốt nhất Việt Nam **SẢN XUẤT HIỆU QUẢ - THƯƠNG HIỆU ĐẲNG CẤP**”.



Các mục tiêu đối nội – đối ngoại

ĐỐI NỘI

Đối với Người lao động:

Điểm lại quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Garmex Saigon kể từ khi cổ phần hóa (2004) đến nay, Garmex Sai Gon đã có những bước phát triển ấn tượng. Nổi bật lên trong bài học thành công để đạt được sự phát triển bền vững này là yếu tố Con người.

Thực tế các năm qua cho thấy, tỷ lệ công nhân bỏ việc tại Garmex Saigon khá thấp, từ 7% vào năm 2009, đến năm 2013 chỉ còn 2,1%. Điều kiện làm việc của người lao động luôn được cải thiện: được hưởng chế độ bảo hiểm, khám sức khỏe định kỳ, môi trường thoáng mát, không phải tăng ca quá sức, không làm ngày Chủ nhật, trừ trường hợp bất khả kháng nhưng sẽ được tính lương theo đúng Luật Lao động hiện hành và sẽ được bố trí nghỉ bù vào một buổi khác trong tuần,...Mức thu nhập bình quân của người lao động tại Garmex Saigon tăng từ 3,4 triệu đồng/người/tháng năm 2009 lên 7,7 triệu đồng/người/tháng năm 2013. Garmex Saigon nhận được sự đánh giá cao về trách nhiệm xã hội của khách hàng và các tổ chức WRAP (Mỹ), BSCI (EU), và Better Work.

Đối với Cổ đông, Nhà đầu tư:

Hướng tới mục tiêu xây dựng hình ảnh Garmex Sai Gon minh bạch và cởi mở thông tin với Nhà đầu tư (NDT), đồng thời cũng hiểu và chia sẻ thông tin hiệu quả cho NDT: xây dựng riêng kênh thông tin nhanh chóng, rộng rãi, và thường xuyên đến NDT; Tăng cường hoạt động tiếp xúc trực tiếp, gặp gỡ, trao đổi với các Quỹ đầu tư chuyên nghiệp trong và ngoài nước. Công ty đã, đang và sẽ nỗ lực tối đa trong việc sử dụng nguồn vốn của Cổ đông hiệu quả, hợp lý, đảm bảo tối đa hóa lợi ích NDT khi góp vốn đầu tư vào GMC.

Đối với Khách hàng và đối tác:

- Khẳng định vị thế Công ty trong chuỗi cung ứng – tiêu thụ của khách hàng, tạo ổn định sản xuất và luân chuyển tiền tệ, góp phần tạo vị thế đối với hệ thống tín dụng (tín chấp; ưu đãi chi phí, điều kiện giao dịch,...);
- Cung cấp những sản phẩm may mặc, dịch vụ thỏa mãn nhu cầu hợp lý của Khách hàng và đối tác;

Mục tiêu đối với xã hội và Cộng đồng:

Nhằm khẳng định vị thế của Công ty trong chuỗi cung ứng của Khách hàng, nhiệm vụ hoàn thiện cơ chế tuân thủ Trách nhiệm xã hội, chủ động cập nhật yêu cầu, tiêu chuẩn của các tổ chức, hiệp hội trong cam kết hội nhập luôn được Công ty coi trọng.

Để đạt được mục tiêu trở thành Công ty may mặc tốt nhất Việt Nam “SẢN XUẤT HIỆU QUẢ - THƯƠNG HIỆU ĐẲNG CẤP”, Công ty không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần người lao động và quan tâm đến lợi ích của cổ đông trong Công ty. Công ty cam kết:

- Cung cấp cho thị trường những sản phẩm may mặc, dịch vụ SẠCH nhằm thỏa mãn nhu cầu hợp lý của khách hàng.
- Thực hiện đúng các yêu cầu của Bộ luật Lao động, Tiêu chuẩn SA 8000 và các tiêu chuẩn Quốc tế liên quan khác.
- Thực hiện văn hóa doanh nghiệp theo 4T “Tin cậy, Thăng Tiến, Tăng trưởng, Truyền thống”

Mục tiêu đối với Môi trường:

Trong những năm qua, Garmex Sài Gòn đã không ngừng quan tâm, đầu tư đáng kể cho công tác bảo vệ môi trường. Công ty coi đây là một trong những yếu tố giúp GMC duy trì được năng lực cạnh tranh trong dài hạn, đảm bảo doanh nghiệp phát triển bền vững. Cụ thể trong các năm vừa qua, Công ty đã có nhiều hoạt động tích cực góp phần cải thiện môi trường làm việc, tạo lập mô hình sản xuất kinh doanh thân thiện với môi trường, sạch và xanh, tạo không gian làm việc an toàn, thoải mái cho người lao động;

ĐỐI NGOẠI

RỦI RO KINH TẾ

Trong năm 2013, kinh tế thế giới vẫn diễn biến khá phức tạp: Nợ công Châu Âu kéo dài, kinh tế Mỹ nói riêng và các quốc gia phát triển nói chung phục hồi chậm... Điều này làm ảnh hưởng đến thị trường xuất khẩu, vốn là một thị trường quan trọng của ngành dệt may nói chung và GMC nói riêng.

Cùng với sự bất ổn của kinh tế toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam cũng chịu rất nhiều thách thức. Kinh tế đã dần hồi phục trở lại nhưng chưa bền vững. Sức mua của người dân chậm cải thiện, thể hiện qua mức hàng hóa bán lẻ và dịch vụ tiêu dùng cũng như vận chuyển hàng hóa tăng chậm hơn cùng kì năm trước. Sản xuất và doanh nghiệp vẫn còn nhiều trở ngại. Mức tăng chỉ số chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) cả năm 2013 chỉ bằng năm 2012 (5.8%) và vẫn thấp hơn so với các năm 2011 và 2010. Trong hoạt động xuất khẩu, doanh nghiệp trong nước tăng trưởng thấp hơn nhiều (tăng 3,6%) so với khu vực FDI (23,5%). Tình hình nợ xấu chưa được cải thiện triệt để nên dòng tín dụng vẫn bị nghẽn mạch, dòng vốn không được hấp thụ một cách hiệu quả và chưa đủ để giúp các doanh nghiệp thoát khỏi khó khăn. Số lượng doanh nghiệp đăng ký giải thể và phá sản vẫn nhiều hơn số lượng doanh nghiệp đăng kí mới và hoạt động trở lại. Con số hơn 55,000 doanh nghiệp ngừng hoạt động là con số lớn so với năm 2011 và 2012. Là một doanh nghiệp nội địa, trong năm 2013 các hoạt động sản xuất – kinh doanh của GMC cũng không thoát khỏi những khó khăn này.

Để hạn chế các rủi ro về kinh tế, Công ty đã đặt ra những chiến lược kinh doanh cụ thể, không ngừng đổi mới và hoàn thiện phương thức sản xuất, chất lượng sản phẩm để chiếm được sự tin yêu của người tiêu dùng đồng thời luôn theo sát các diễn biến, thay đổi trên thị trường thế giới và trong nước để đón đầu xu hướng và có những quyết sách ứng phó kịp thời.

RỦI RO TỶ GIÁ

Garmex Saigon vừa nhập khẩu nguyên vật liệu vừa xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài, đồng tiền giao dịch chủ yếu của Công ty là USD. Bên cạnh đó là hoạt động tín dụng của Công ty cũng liên quan nhiều đến các khoản vay ngoại tệ. Do vậy, bất kỳ biến động nào về tỷ giá VND/USD đều có thể tác động đến kết quả kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Công ty đang có chính sách quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân đối.

Bên cạnh đó, công ty vẫn đang xúc tiến hoạt động tìm kiếm các nhà cung cấp nguyên vật liệu đảm bảo chất lượng trong nước. Trong những năm tới, tỷ giá USD/VND được dự báo sẽ ổn định hơn so với những năm qua. Đó cũng là cơ hội để công ty giảm rủi ro từ việc biến động tỷ giá.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Rủi ro về nguồn lao động

Với đặc trưng của ngành dệt may là thâm dụng lao động, lực lượng lao động là yếu tố quan trọng nhất của quá trình sản xuất và sự phát triển của Công ty. Hiện nay, nguồn lao động chủ đạo của công ty là công nhân ở các tỉnh miền Trung, miền Bắc, xu hướng chuyển dịch lao động về vùng nông thôn sẽ tăng lên khi nhiều dự án dệt may nói riêng và các hoạt động đầu tư xây dựng hiện đang được đầu tư trên khắp cả nước. Bên cạnh đó, đặc thù tuổi nghề của lao động ngành may thấp (trung bình chỉ khoảng 40 tuổi) do vậy công ty thường xuyên chịu áp lực tìm kiếm nguồn lao động thay thế. Ngoài ra, mức độ cạnh tranh lao động trong ngành dệt may rất cao nên Công ty phải luôn có những chính sách đãi ngộ hợp lý để thu hút và giữ người lao động, trong khi vừa phải đảm bảo hiệu quả về mặt chi phí.

Rủi ro về nguyên liệu

Với tỷ trọng bình quân các năm hơn 60% trong tổng các chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, và chiếm hơn 70% giá vốn hàng bán, Sự thay đổi về giá cả nguyên liệu đầu vào sẽ ảnh hưởng lớn đến biên lợi nhuận gộp và kết quả hoạt động kinh doanh nói chung của GMC. Đặc biệt, đặc thù ngành dệt may phụ thuộc rất nhiều vào nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu. Theo đó, trong bối cảnh hiện nay cũng như các năm tiếp theo khi TPP bắt đầu có hiệu lực, với thực tế hầu hết các nước Việt Nam nhập nguyên liệu lại không nằm trong khối các nước sẽ tham gia đàm phán TPP thì vấn đề nguyên vật liệu sẽ là một thách thức lớn đối với GMC nói riêng và đối với ngành dệt may nói chung. Là một doanh nghiệp uy tín, với vị thế đáng kể trong ngành cũng như trong chuỗi cung ứng, GMC đã có nhiều biện pháp tích cực nhằm chủ động nguồn nguyên liệu và giảm rủi ro biến động giá cả đầu vào như duy trì quan hệ với nhiều nhà cung cấp trong ngành, chủ động tạo lợi thế cạnh tranh trong việc đàm phán với nhà cung cấp, xây dựng hệ thốn nhà thầu phụ cung ứng tốt... Công ty đã, đang và sẽ đảm bảo nguồn nguyên liệu đầy đủ với mức giá hợp lý. Thêm vào đó, Công ty còn áp dụng chính sách quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình diễn biến giá cả nguyên vật liệu trên thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro phương thức sản xuất

Định hướng trong những năm qua của công ty là tập trung phát triển sản xuất theo phương thức xuất khẩu FOB (mua nguyên liệu, bán thành phẩm) vì công ty có nhiều kinh nghiệm và lợi thế trong việc thực hiện các đơn hàng FOB. Doanh thu từ phương thức xuất khẩu FOB chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tổng doanh thu với 92,5%. Tuy nhiên, tập trung vào phương thức này có thể dẫn đến một số rủi ro, đặc biệt là khi phát sinh những vấn đề, sự cố khách quan, công ty không kịp giao hàng hoặc hàng hóa không đảm bảo chất lượng sẽ phát sinh chi phí phạt chậm giao hàng hoặc bị từ chối nhận hàng gây thiệt hại cho công ty. Để khắc phục rủi ro này, công ty đã xây dựng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008, theo đó sẽ nâng cao tính chuyên nghiệp và sự phối hợp giữa các phòng ban, đảm bảo chất lượng hàng hóa và thời gian giao hàng. Hơn thế nữa, ý thức được rủi ro tiềm ẩn từ hình thức kinh doanh FOB, trong định hướng kinh doanh trong giai đoạn mới, GMC cũng đang thử nghiệm phương thức kinh doanh ODM - tự thiết kế, sản xuất và bán sản phẩm cho khách hàng đồng thời kết hợp với chuyển đổi chiến lược sản phẩm trong FOB; chuyển dịch dần cơ cấu sản xuất sang thương mại...

RỦI RO CHÍNH SÁCH

Là công ty cổ phần niêm yết nên hoạt động của GMC chịu sự điều chỉnh chung của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán. Với hệ thống pháp luật của Việt Nam hiện nay, việc điều chỉnh, thay đổi hệ thống pháp luật sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến việc hình thành chiến lược, chính sách của GMC. Ngoài ra, hoạt động của GMC còn chịu sự điều chỉnh của các chính sách thuế, các quy định khác về nhãn hiệu hàng hóa, sở hữu trí tuệ, quan hệ thương mại, trách nhiệm xã hội,...của các thị trường tiêu thụ.

Đặc biệt, Việt Nam đang trong tiến trình giao thoa hội nhập quốc tế thông qua việc gia nhập các tổ chức quốc tế và các Hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương đang trong giai đoạn cuối của quá trình đàm phán như Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương TPP, FTA EU – Việt Nam, FTA Việt Nam – Liên minh Hải quan Nga – Belarus – Kazakhstan,...Đây là cơ hội và cũng là thách thức đối với GMC, đòi hỏi phải có sự chuẩn bị thật chu đáo, phải có sự hiểu biết về Luật pháp Quốc tế cũng như các quy định về Thương mại Quốc tế để có thể giao thương với các tổ chức và doanh nghiệp trên thế giới.

Để đối diện với các khó khăn có thể gặp phải, bộ phận xúc tiến thương mại của Công ty đã nghiên cứu các điều khoản giao dịch và phương thức kinh doanh với các đối tác, đồng thời tích lũy kinh nghiệm trong quá trình làm việc nhằm giúp Công ty dần thích nghi với thị trường quốc tế.

RỦI RO KHÁC...

Một số rủi ro khác mang tính bất khả kháng như rủi ro về động đất, thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn...Đây là những rủi ro có xác suất xảy ra thấp nhưng nếu xảy ra sẽ có mức độ thiệt hại đáng kể về con người và cả tài sản...Tuy nhiên, với phương châm hoạt động thận trọng, GMC đã mua bảo hiểm tài sản (nhà xưởng, hàng hóa, phương tiện vận tải...) và bảo hiểm tai nạn đối với người lao động nhằm hạn chế phần nào những rủi ro khách quan nói trên.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

21

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

28

Tổ chức và nhân sự

32

Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

33

Tình hình tài chính

36

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư vốn chủ sở hữu

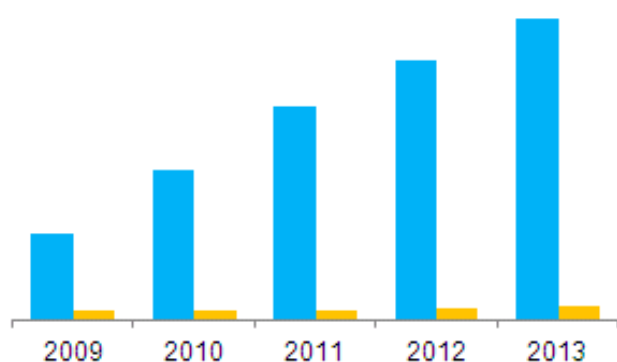
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổng kết nhiệm kỳ II

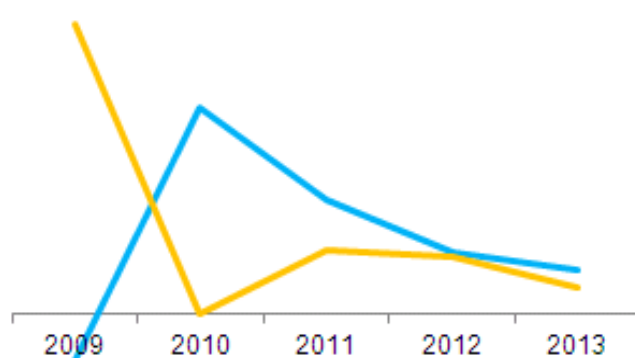
Một số chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu

Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2012	2013
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	353.993	613.883	865.687	1.058.994	1.228.479
Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	80.436	125.523	183.350	168.983	166.108
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	42.140	39.098	50.849	54.566	59.287
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	42.346	40.057	52.516	61.471	65.071
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	34.795	34.953	43.011	51.771	49.299
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	3.925	3.943	4.871	5.870	6.124

ĐVT: Triệu đồng



■ Doanh thu thuần
■ Lợi nhuận sau thuế



— Tăng trưởng Doanh thu thuần
— Tăng trưởng Lợi nhuận sau thuế

DOANH THU

Chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng doanh thu là doanh thu từ hoạt động xuất khẩu FOB. Năm 2013, doanh thu xuất khẩu FOB đạt 1.136 tỷ đồng, chiếm 92,4% tổng doanh thu công ty, tăng 23,3% so với cùng kỳ do nhu cầu tại thị trường chính là châu Âu và Mỹ phục hồi. Doanh thu xuất khẩu FOB liên tục tăng qua các năm trong giai đoạn 2009-2013 với tốc độ tăng trưởng CAGR 36,5%/năm; điều này thể hiện rất rõ ràng định hướng của công ty trong nhiệm kỳ là tập trung phát triển năng lực cốt lõi là hoạt động xuất khẩu FOB.

Bên cạnh việc tập trung phát triển hoạt động xuất khẩu FOB, công ty đang định hướng thử nghiệm phương thức ODM (bao gồm cả khâu thiết kế) để tạo sự khác biệt và tăng giá trị gia tăng của chuỗi sản xuất. Năm 2014, công ty sẽ thực hiện đơn hàng ODM đầu tiên với giá trị 1.000.000 USD.

CHI PHÍ

Công ty đã quản lý các chi phí hoạt động rất hiệu quả trong bối cảnh giá cả nguyên vật liệu đầu vào và chi phí nhân nhân công liên tục tăng nhưng giá cả sản phẩm đầu ra không thể tăng với tỷ lệ tương ứng. Cụ thể, tỷ trọng tổng chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần giảm từ 18,2% năm 2009 xuống còn 10% năm 2013. Con số này cũng thấp hơn nhiều so với các doanh nghiệp cùng ngành cho thấy hiệu quả quản lý chi phí của công ty liên tục tăng qua các năm và cao hơn so với các doanh nghiệp dệt may khác. Đáng chú ý, mặc dù doanh thu thuần liên tục tăng nhưng chi phí quản lý doanh nghiệp đang trong xu hướng giảm từ 118 tỷ đồng năm 2011 xuống còn 90,8 tỷ đồng năm 2013.

Lợi nhuận trước thuế năm 2013 đạt 65,1 tỷ đồng; gấp 1,54 lần so với 42,3 tỷ đồng năm 2009 và gấp 6 lần so với năm đầu cổ phần hóa. Lợi nhuận liên tục tăng qua các năm, ngoại trừ năm 2010 giảm do doanh thu từ hoạt động tài chính giảm đáng kể.

EPS liên tục tăng qua các năm, từ 3.925 VND/cổ phiếu năm 2009 lên 6.124 VND/cổ phiếu năm 2013.

LỢI NHUẬN

NGUỒN NGUYÊN LIỆU

Nguyên, vật liệu chính của quá trình sản xuất là vải và một số phụ liệu khác như chỉ, nút áo,...Nguyên phụ liệu chiếm khoảng 60%-65% chi phí giá vốn hàng bán và tỷ lệ này được giữ ổn định qua các năm. Năm 2010, 70%-75% nguyên phụ liệu được nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc, Đài Loan, tỷ lệ này liên tục giảm và dự kiến đạt khoảng 60%-65% trong năm 2014. Công ty chủ động tăng tỉ lệ nội địa hóa nguyên phụ liệu do các nhà cung cấp vải và phụ liệu đã từng bước tổ chức được năng lực sản xuất tại Việt Nam. Khách hàng cũng chủ trương tăng cường nội địa hóa để tiết kiệm thời gian vận chuyển và tận dụng cơ hội khi TPP có hiệu lực.

SẢN PHẨM

	2009	2010	2011	2012	2013
Sản phẩm vải đan	57,0%	66,2%	57,3%	46,8%	58,2%
Sản phẩm vải dệt	4,30%	33,8%	42,7%	53,2%	41,8%

Tỷ lệ sản phẩm vải đan và vải dệt trong tổng sản phẩm biến động qua các năm. Đây là nhóm hàng đòi hỏi kỹ thuật cao, khó cạnh tranh hơn. Hướng phát triển của công ty trong những năm sắp tới là tăng tỷ lệ sản phẩm dệt. Để thực hiện định hướng này, công ty phải đầu tư thêm máy móc thiết bị, đào tạo lại tay nghề của người công nhân, thay đổi lại dây chuyền sản xuất cho phù hợp.

THỊ TRƯỜNG

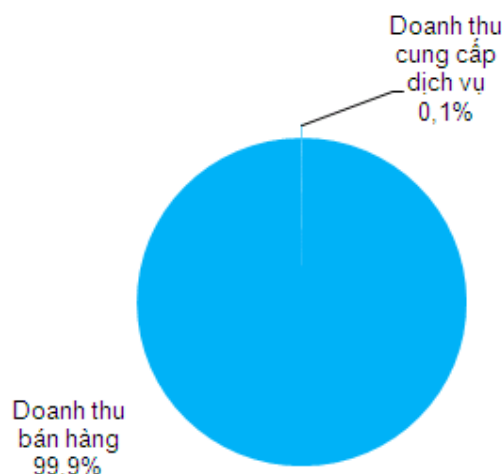
Mặc dù hoạt động sản xuất xuất khẩu mang lại hiệu quả cao hơn nhưng công ty vẫn duy trì khoảng 7% doanh thu bán thành phẩm từ thị trường nội địa. Điều này một mặt giúp cân đối doanh thu xuất khẩu và nội địa để giảm thiểu rủi ro, một mặt giúp ổn định việc làm và thu nhập người lao động, tăng lợi thế so sánh trong cạnh tranh lao động.

Đối với thị trường xuất khẩu, năm 2010 thị trường EU chiếm tỷ trọng chủ yếu với hơn 70% tổng doanh thu xuất khẩu. Công ty thực hiện tái cơ cấu thị trường trong nhiệm kỳ để giảm thiểu rủi ro và khai thác tiềm năng các thị trường mới. Theo đó, năm 2013 doanh thu từ thị trường EU chỉ còn chiếm khoảng 53%, thị trường Mỹ chiếm 38%, Nhật Bản và các quốc gia khác chiếm 9%. 2 khách hàng lớn nhất của công ty là Columbia (Mỹ) và Decathlon (Pháp).

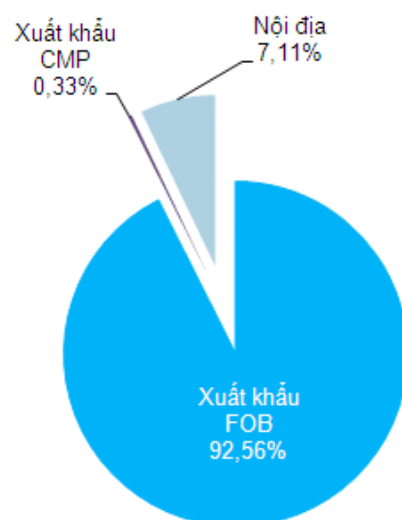
Doanh thu thực hiện năm 2013

Năm 2013, doanh thu thuần đạt 1.228 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu xuất khẩu FOB đạt 1.136 tỷ đồng, chiếm 92,4% tổng doanh thu, tăng 23,2% so với cùng kỳ. Doanh thu nội địa đạt 87 tỷ đồng, chiếm 7% tổng doanh thu, giảm 28,7% so với cùng kỳ. Cơ cấu doanh thu tiếp tục thể hiện rõ nét định hướng của công ty tập trung vào năng lực cốt lõi là hoạt động xuất khẩu FOB, đồng thời duy trì một tỷ lệ hợp lý doanh thu nội địa để giảm rủi ro và đảm bảo việc làm cho người lao động.

Năm 2013, doanh thu tăng 169,5 tỷ đồng so với cùng kỳ và vượt 22,7% kế hoạch năm do nhu cầu tại các thị trường là châu Âu và Mỹ phục hồi và các khách hàng lớn đang có xu hướng chuyển các đơn hàng từ các thị trường khác như Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc,...sang Việt Nam để tận dụng nguồn nhân công có kỹ năng nhưng chi phí thấp và kỳ vọng các lợi ích từ hiệp định TPP.



Cơ cấu tổng doanh thu năm 2013



Cơ cấu doanh thu bán hàng năm 2013

Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013
Doanh thu thuần bán thành phẩm		1.055.401	1.227.135
- Doanh thu thuần xuất khẩu FOB	Triệu đồng	921.761	1.135.843
- Doanh thu thuần xuất khẩu CMP		11.530	4.060
- Doanh thu nội địa		122.110	87.232
Doanh thu cung cấp dịch vụ		3.593	1.345
Tổng doanh thu thuần		1.058.994	1.228.479

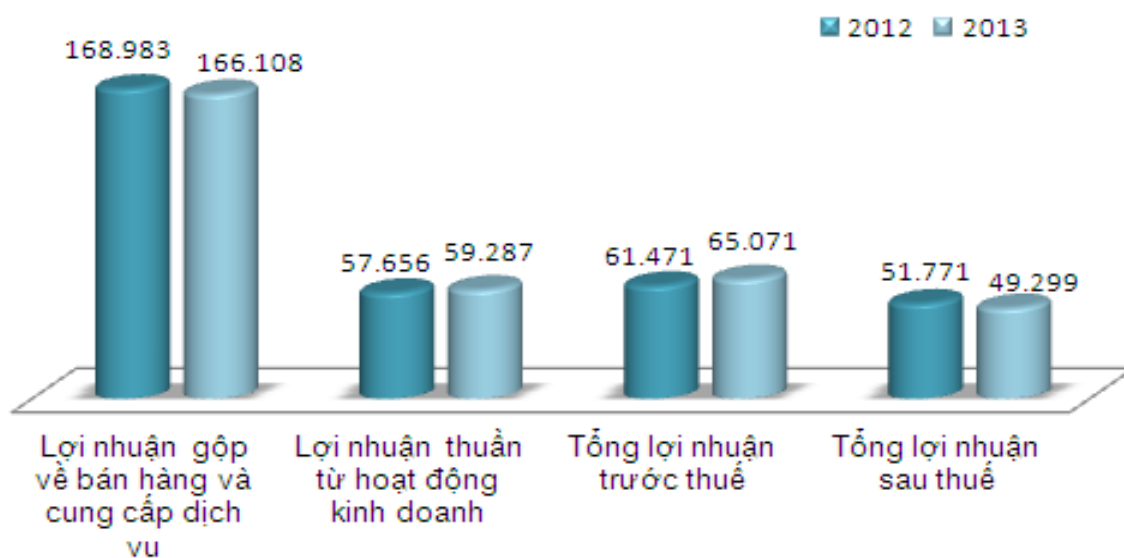
Chi phí hoạt động năm 2013

Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013
Chi phí bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr.đồng	17.244	18.633
<i>Tỷ trọng doanh thu thuần</i>	%	1,63%	1,52%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr.đồng	102.073	90.818
<i>Tỷ trọng doanh thu thuần</i>	%	9,64%	7,39%
Chi phí tài chính	Tr.đồng	9.862	13.419
<i>Tỷ trọng doanh thu thuần</i>	%	0,9%	1,1%

Năm 2013, tổng chi phí bán hàng, cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp là 109,5 tỷ đồng, giảm 9,8 tỷ đồng so với cùng kỳ. Trong bối cảnh doanh thu tăng 169,5 tỷ đồng so với cùng kỳ, mức giảm chi phí này cho thấy sự hiệu quả rất lớn trong hoạt động của công ty trong năm 2013. Đặc biệt tỷ lệ chi phí bán hàng, cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu năm 2013 lần lượt đạt 1,52% và 7,39%; đây là mức thấp đáng kể so với các doanh nghiệp khác trong ngành dệt may và tỷ lệ này cũng giảm đáng kể nếu so với mức 1,63% và 9,64% cùng kỳ năm 2012. Chi phí tài chính năm 2013 là 13,419 tỷ đồng; tăng 3,56 tỷ đồng so với cùng kỳ. Mặc dù chi phí lãi vay giảm do mặt bằng lãi suất cho vay trong năm 2013 giảm nhưng chi phí tài chính công ty tăng do khoản lỗ từ chênh lệch tỷ giá 6,55 tỷ đồng trong năm 2013.



Các chỉ tiêu lợi nhuận (ĐVT: Triệu đồng)



Biên lợi nhuận gộp

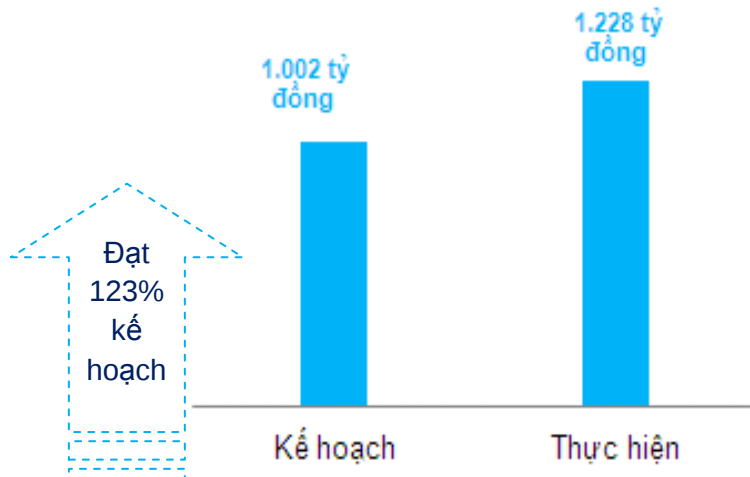
- Tổng lợi nhuận gộp của GMC trong năm 2013 đạt 166,1 tỷ đồng. Trong đó, 90% đóng góp từ hoạt động xuất khẩu. Số liệu tài chính của Công ty cho thấy có sự giảm nhẹ của tổng giá trị lợi nhuận gộp đạt được trong năm của công ty (giảm khoảng 2 tỷ đồng). Nguyên nhân chủ yếu là do sự tăng đáng kể của chi phí nhân công và chi phí phụ liệu thay thế.
- Giá vốn hàng bán tăng từ 890 tỷ đồng năm 2012 lên 1.062 tỷ đồng năm 2013.

Theo đó, biên lợi nhuận gộp của Công ty giảm từ 16% từ 2012 xuống còn 13,5% năm 2013

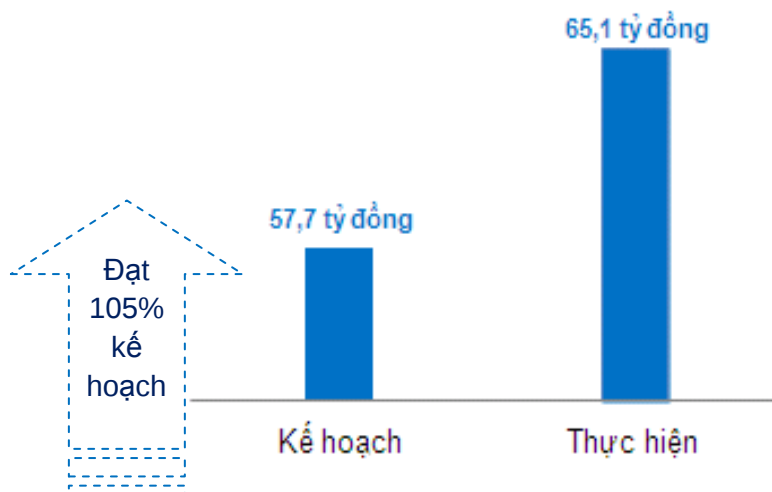
Biên lợi nhuận thuần và lợi nhuận sau thuế

- Lợi nhuận thuần của Công ty đạt 59,2 tỷ đồng năm 2013, tăng 3% so với mức đạt 57,6 tỷ đồng năm 2012. Như phân tích ở cơ cấu chi phí trên, sự giảm đáng kể của chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm đã giúp cho lợi nhuận thuần tăng nhẹ so với cùng kỳ. Theo đó, biên lợi nhuận thuần của công ty đạt mức 4,8%.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2013 của GMC: mặc dù lợi nhuận trước thuế của Công ty có tăng gần 4 tỷ đồng nhưng với chi phí thuế tăng khoảng 6 tỷ đồng (năm 2012 công ty được giảm thuế 3,6 tỷ đồng theo nghị quyết 29/QH/13 để tháo gỡ khó khăn cho Công ty) dẫn đến sự giảm lợi nhuận sau thuế hơn 2 tỷ đồng.

Chỉ tiêu doanh thu thuần so với Kế hoạch



Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế so với Kế hoạch



KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2013 LÀ NHỜ....

- ◆ Vai trò của Ban điều hành Công ty đã lãnh đạo hoạt động sản xuất kinh doanh với thái độ làm việc nghiêm túc, trách nhiệm, thể hiện qua các giải pháp:
 - ✓ Phân công trách nhiệm quyền hạn trong lãnh đạo rõ ràng nhằm phát huy được năng lực của cán bộ;
 - ✓ Duy trì hệ thống quản lý chất lượng, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng về chất lượng giảm tỷ lệ lỗi;
 - ✓ Tiếp tục đầu tư chiều sâu, kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất, thực hành tiết kiệm, giảm tỷ lệ tiêu hao, tăng năng suất lao động.
- ◆ Công ty đã nhanh chóng thích ứng, “đồng hành cùng Khách hàng, đối tác” nhằm thỏa mãn những nhu cầu hợp lý của Khách hàng và đối tác.
- ◆ Trước thách thức bối cảnh khó khăn chung của kinh tế trong và ngoài nước cũng như sự cạnh tranh khốc liệt của các yếu tố: thị trường, nguồn nguyên liệu, nhân công... Công ty đã linh hoạt điều chỉnh cơ cấu thị trường, chủng loại sản phẩm, phương thức sản xuất và cả trong việc quản lý sử dụng vốn của Công ty;
- ◆ Trong năm qua, Công ty đã không ngừng củng cố chất lượng và tuân thủ, thực hiện vai trò, trách nhiệm đối với xã hội...thúc đẩy gia tăng sản lượng, doanh thu dẫn đến giảm bớt được định phí, bù đắp biến phí cho Công ty.

Danh sách Ban Điều Hành nhiệm kỳ 2009 – 2013

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Ông Nguyễn Ân	Tổng giám đốc	259.493	2,44%
2	Bà Đỗ Thị Kim Nhân	Phó tổng giám đốc	170.258	1,60%
3	Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó tổng giám đốc	114.110	1,07%
4	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó tổng giám đốc	17.498	0,16%
5	Bà Nguyễn Minh Hằng	Kế toán trưởng	8.254	0,08%



NGUYỄN ÂN – TỔNG GIÁM ĐỐC

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế Công nghiệp
- Chức vụ hiện nay tại GMC: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch Công ty TNHH May Tân Mỹ, Thành Viên HĐQT Công ty TNHH May Sài Gòn Xanh



ĐỖ THỊ KIM NHÂN – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Chính trị, Cử nhân Luật
- Chức vụ hiện nay tại GMC: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng BKS Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định (GDI), Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH May Tân Mỹ

NGUYỄN HOÀNG GIANG – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Đại học Sư phạm Anh Văn
- Chức vụ hiện nay tại GMC: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không có.



NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Quê quán: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - ngành Quản trị
- Chức vụ hiện nay tại GMC: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc chi nhánh Công ty TNHH May Sài Gòn Xanh



NGUYỄN MINH HẰNG – KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại GMC: Kế toán trưởng



NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2013:

Trong nhiệm kỳ 2009 – 2013, không có bất cứ sự thay đổi nào trong ban điều hành Công ty

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Đánh giá chung về tình hình nhân sự

Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2012	2013
Số lượng lao động (Người)	2.685	2.803	3.185	3.204	4.075
Thu nhập (Tr.đồng/người/tháng)	3,4	4,6	6,1	6,6	7,7

Chất lượng và số lượng người lao động tăng dần qua các năm trong suốt nhiệm kỳ:

- ✓ Nhìn chung, chất lượng đội ngũ lao động từng năm được nâng cao: Khối nhân viên ngày càng chuyên nghiệp hơn, linh hoạt và giải quyết công việc nhạy bén. Tay nghề công nhân được nâng lên thể hiện qua năng suất từng năm, trên 90% công nhân may biết sử dụng từ 2 máy trở lên. Trên 50% công nhân may đa đăng, biết sử dụng nhiều máy.
- ✓ Trình độ học vấn của đội ngũ lao động của công ty có tăng về trình độ trên đại học, cao đẳng, trung cấp; trên 60% lao động khối gián tiếp có trình độ từ trung cấp trở lên.
- ✓ 100% công nhân được đào tạo để thực hiện đúng quy trình làm việc, tuân thủ hệ thống chất lượng ISO 9001-2008, tuân thủ các quy định về an toàn lao động, trách nhiệm xã hội.
- ✓ Đào tạo Lean hóa từ Công ty xuống các đơn vị trực thuộc; áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc theo hệ thống...

Các chính sách đối với người lao động:

Trong suốt nhiệm kỳ 2009 - 2013, Công ty luôn nỗ lực chăm lo đời sống về vật chất lẫn tinh thần của đội ngũ CBCNV. Tỷ lệ thôi việc thấp, giảm dần từ 7% năm 2009 xuống còn 2,1% năm 2013, thu nhập người lao động không ngừng tăng qua các năm (cuối nhiệm kỳ tăng hơn 100% so với đầu nhiệm kỳ)...đã phần nào phản ánh hiệu quả chính sách quản lý của Công ty trong suốt nhiệm kỳ.

Chính sách lương thưởng, trợ cấp đối với người lao động:

Trong năm 2013, mặc dù trong bối cảnh chung cả nền kinh tế đều khó khăn, khá nhiều doanh nghiệp cắt giảm nhân sự, lương thưởng...của người lao động nhưng Garmex Sai Gon vẫn đảm bảo đầy đủ chế độ lương thưởng cũng như các chính sách phúc lợi khác cho đội ngũ CBCNV của Công ty:

- Chế độ lương thưởng của Công ty được áp dụng theo nguyên tắc gắn tiền lương với năng suất, chất lượng và hiệu quả làm việc của mỗi người. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng hài hòa lợi ích của Doanh nghiệp và phúc lợi đối với người lao động: chế độ thưởng cuối năm luôn ở mức cao so với mặt bằng chung, được hưởng đầy đủ chế độ nghỉ ngơi, lễ tết.... Ngoài ra, Garmex Sài Gòn còn thực hiện nhiều chính sách chăm lo đời sống người lao động để giữ chân người lao động ở lại làm việc lâu dài, ổn định như tổ chức xe đưa đón công nhân ở xa về quê đón tết...
- 100% CBCNV đều được tham gia đóng BHXH, BHYT theo đúng luật định. Hằng năm, người lao động được tổ chức khám sức khỏe định kỳ, được trang bị thiết bị bảo hộ theo đúng đặc thù công việc của mỗi người.
- Thêm vào đó, để khích lệ thêm tinh thần làm việc của người lao động, hằng năm, GMC đều sử dụng một phần Quỹ phúc lợi để tổ chức thăm hỏi, động viên người lao động khi ốm đau, hiếu hỷ..., tặng quà nhân dịp 8-3 cho lao động nữ, tổ chức cho CBCNV đi nghỉ mát, tham gia các hoạt động văn - thể - mỹ lành mạnh...

Chính sách đào tạo:

- Trong giai đoạn nhu cầu phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng cao như hiện nay, đặc biệt khi Công ty có định hướng chuyển dịch dần cơ cấu sản xuất FOB sang ODM, sản xuất kết hợp với thương mại...GMC đã và đang triển khai kế hoạch tái cơ cấu, hoạch định nguồn nhân lực: nâng cao năng lực đối với đội ngũ quản lý sản xuất, nâng cao tay nghề, nghiệp vụ cho kỹ thuật các cấp, phát triển chất lượng nhân sự cấp cán bộ quản trị điều hành...
- Hiện nay, Công ty duy trì một số chương trình đào tạo thường xuyên cho CBCNV:
 - ✓ Duy trì Đào tạo nội bộ không tốn nhiều chi phí mà thực tế hơn;
 - ✓ Mở lớp đào tạo về kỹ năng quản lý (mời bên ngoài giảng dạy);
 - ✓ Tạo điều kiện, cử CBCNV tham gia lớp học ngoại ngữ.

Một số cải tiến chính sách nhân sự

Chính sách về tiền lương: đảm bảo người lao động sống được bằng lương, tiền lương ổn định thu nhập tăng từ 5% đến 10 % qua các năm.

Chính sách đãi ngộ nhân viên: ban hành chính sách đãi ngộ bao gồm chính sách thăng tiến, chăm lo sức khỏe, hỗ trợ tiền xăng, tiền giữ trẻ cho công nhân nữ.

Chính sách phúc lợi khác: đầu tư 3 tỷ đồng xây dựng 3 nhà ăn cho 3 nhà máy để phục vụ nấu ăn tại chỗ cho người lao động; đầu tư 1 tỷ đồng hệ thống lọc nước uống tinh khiết.

01

Đầu tư tài chính

Trong cả nhiệm kỳ 2009 – 2013, nhận thức được tình hình kinh tế suy thoái cũng như biến động khó lường của thị trường chứng khoán, Công ty không tham gia nhiều hoạt động đầu tư tài chính mới. Cụ thể, tình hình đầu tư tài chính của Công ty qua các năm như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	2009	2010	2011	2012	2013
Tổng giá trị đầu tư dài hạn vào cổ phiếu		16.935	16.944	17.289	17.289	17.289
Cổ phần CTCP Da giấy Sagoda	Tr.đồng	1.919	1.919	1.919	1.919	1.919
Cổ phần CTCP đầu tư phát triển Gia Định		10.127	10.127	10.127	10.127	10.127
Cổ phần Vietcombank		1.200	1.209	1.245	1.245	1.245
Cổ phần Việt Á Bank		3.688	3.688	3.998	3.998	3.998

02

 Đầu tư vào công ty con
công ty liên kết

Công ty TNHH May Tân Mỹ: Một số chỉ tiêu cơ bản

Chỉ tiêu	ĐVT	2009	2010	2011	2012	2013
Doanh thu thuần	Tr.đồng	7.580	30.819	64.669	115.658	151.055
Tổng tài sản	Tr.đồng	2.875	9.409	27.158	44.923	49.683
Vốn điều lệ	Tr.đồng	4,419	4,419	15,000	15,000	15,000
Lao động	Người	378	602	733	983	1.195

Đầu tư giai đoạn 2 Tân Mỹ ước tính : 49,5 tỷ
 Xây dựng, điện : 19,3 tỷ (đã thực hiện 12,76 tỷ)
 Máy móc thiết bị : đã nhập máy : 6,5 tỷ

Công ty May Sài Gòn Xanh năm 2013:

Chỉ tiêu	ĐVT	2013
Doanh thu thuần	Triệu đồng	11.08
Tổng tài sản	Triệu đồng	68.189
Vốn điều lệ (GMC chiếm 51%)	Triệu đồng	33.327
Vốn thực góp của GMC	Triệu đồng	34.382
Số lao động	Người	582

Công ty Cổ phần Phú Mỹ:

GMC đã đầu tư vào CTCP Phú Mỹ 4.341.000.000 VNĐ tương đương 32,47% Vốn điều lệ.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

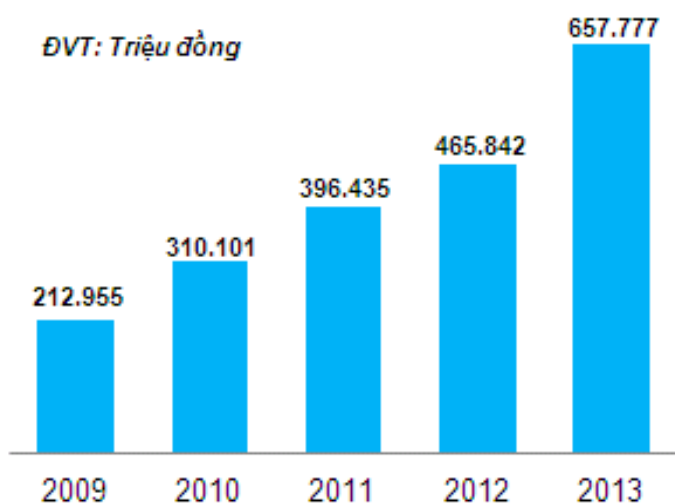
Chỉ tiêu	2009		2010		2011		2012		2013	
	Giá trị	% (+/-)	Giá trị	% (+/-)	Giá trị	% (+/-)	Giá trị	% (+/-)	Giá trị	% (+/-)
Tổng giá trị tài sản	212.955	15%	310.101	46%	396.435	28%	465.842	18%	657.777	41%
Doanh thu thuần	353.993	-17%	613.883	73%	865.687	41%	1.058.994	22%	1.228.479	16%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	42.140	243%	39.098	-7%	50.849	30%	57.566	13%	59.278	3%
Lợi nhuận khác	206	-98%	959	366%	1.668	74%	3.905	134%	5.784	48%
Lợi nhuận trước thuế	42.346	92%	40.057	-5%	52.516	31%	61.471	17%	65.071	5,9%
Lợi nhuận sau thuế	34.795	103%	34.953	0%	43.011	23%	51.771	20%	49.299	-4,8%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	22%	47%	20%	-9%	25%	25%	25%	0%	20% (*)	-20%

ĐVT: Triệu đồng

(*) Công ty dự kiến sẽ trình ĐHĐCĐ thường niên 2014 tăng mức cổ tức từ 20% lên 30%. 10% tăng thêm thông qua hình thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức.

Tổng giá trị tài sản giai đoạn 2009 - 2013

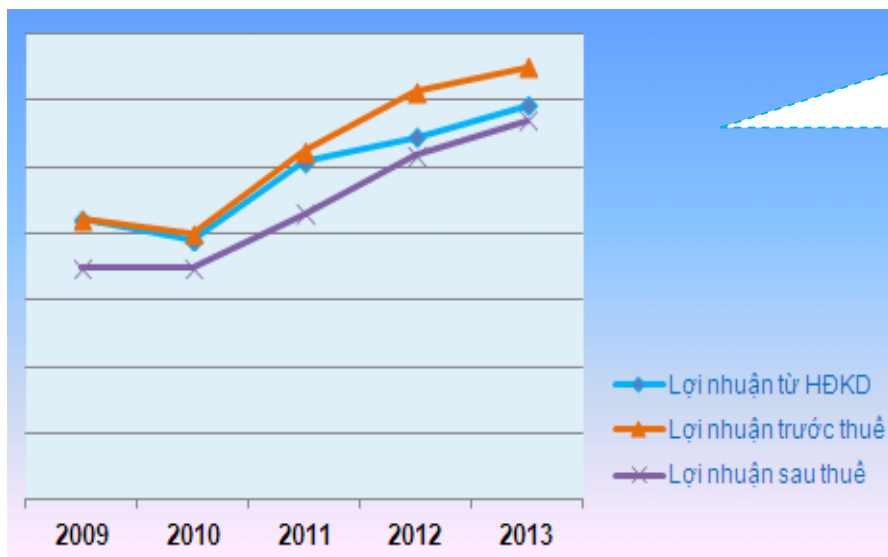
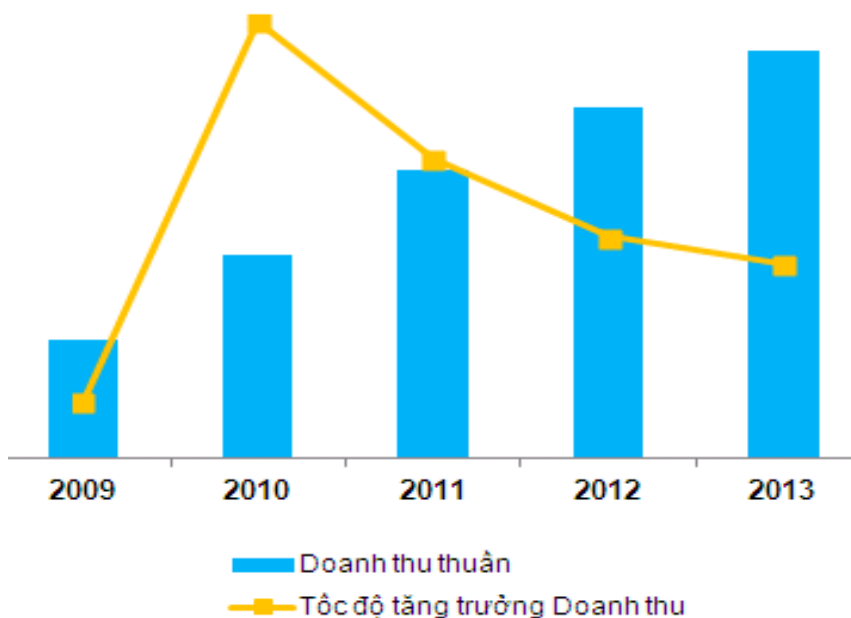
ĐVT: Triệu đồng



Giá trị tổng tài sản đạt 657,8 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2013, tăng 3,54 lần so với thời điểm 01/01/2009. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng khoảng 5 lần, từ 92,8 tỷ đồng lên 473,6 tỷ đồng, chủ yếu từ việc tăng giá trị các khoản phải thu và hàng tồn kho. Tài sản dài hạn tăng khoảng 2 lần, từ 93,2 tỷ đồng lên 184,2 tỷ đồng, chủ yếu từ việc tăng giá trị tài sản cố định. Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị tổng tài sản trong giai đoạn 2009-2013 là 29,3%/năm. Năm 2013, Công ty đạt mức tăng ấn tượng 41,2% về giá trị tổng tài sản. Trong đó, giá trị các khoản phải thu tăng 36 tỷ đồng, giá trị hàng tồn kho tăng 68,6 tỷ đồng, công ty đầu tư vào tài sản cố định 30 tỷ đồng và khoản trả trước dài hạn tăng 27,2 tỷ đồng.

Doanh thu thuần giai đoạn 2009 - 2013

Doanh thu thuần duy trì xu hướng tăng trưởng dần qua các năm trong giai đoạn 2009-2013 với tốc độ bình quân khá cao, đạt 38,2%/năm. Tính trong cả nhiệm kỳ, doanh thu tăng 3,45 lần, tương ứng với 874,5 tỷ đồng. Năm 2013, doanh thu thuần đạt 1.228 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ, vượt 11,6% kế hoạch năm. Chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng doanh thu là doanh thu xuất khẩu FOB với 1.136 tỷ đồng, chiếm 92,4% tổng doanh thu.



Các chỉ tiêu lợi nhuận đều thể hiện xu hướng tăng trưởng dần qua các năm:

Tốc độ tăng trưởng bình quân của Lợi nhuận thuần, lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 56%, 28% và 13,5% trong cả giai đoạn.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>	ĐVT	2009	2010	2011	2012	2013
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,38	1,23	1,24	1,17	1,12
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,77	0,71	0,57	0,58	0,55
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>						
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	41,7	56,7	59,1	62,0	64,2
Hệ số nợ/Vốn CSH	%	71,4	130,9	144,2	163,1	198,5
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>						
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,5	6,7	5,5	5,4	5,1
Số ngày tồn kho bình quân	Ngày	66	55	66	67	71
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,7	2,0	2,2	2,3	1,9
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi</i>						
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	9,8	5,7	5,0	4,9	4,6
Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	%	29,4	27,0	29,0	30,5	29,3
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	17,4	13,4	12,2	12,0	10,2
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	11,9	6,4	5,9	5,2	4,8



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ phần

Đối tượng	Số cổ phần	Tỷ lệ/Vốn điều lệ	Cổ phần tự do chuyển nhượng	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng
Số lượng phát hành	10.632.431	100%	10.632.431	0
Số lượng đang lưu hành	10.583.171	99,54%	10.583.171	0
Cổ phiếu quỹ	49.260	0,46%	49.260	0
Cổ đông nhà nước	1.066.627	10,03%	1.066.627	0
Cổ đông trong Công ty	1.177.183	11,07%	1.177.183	0
Cổ đông bên ngoài	9.455.248	88,93%	9.455.248	0

Cơ cấu cổ đông theo danh sách chốt ngày 24/2/2014

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng	
	Số cổ phần	Tỷ lệ/Vốn điều lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ/Vốn điều lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Tổng số vốn phát hành	9.083.635	85,43%	1.548.796	14,57%	10.632.431	100,00%
Cổ đông sở hữu trên 5%	3.645.015	34,28%	-	0,00%	3.645.015	34,28%
Cổ đông sở hữu từ 1 đến 5%	3.390.825	31,89%	1.148.056	10,80%	4.538.881	42,69%
Cổ đông sở hữu dưới 1 %	2.047.795	19,26%	400.740	3,77%	2.448.535	23,03%
Tổng cộng	9.083.635	85,43%	1.548.796	14,57%	10.632.431	100,00%

Cơ cấu cổ đông theo Loại hình sở hữu

Đối tượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Cổ đông trong nước	9.083.635	85%
Cá nhân	6.112.533	57%
Tổ chức	2.971.102	28%
Cổ đông nước ngoài	1.548.796	15%
Cá nhân	643.442	6%
Tổ chức	905.354	9%
Tổng cộng	10.632.431	100%

Danh sách cổ đông lớn sở hữu từ 5% cổ phần trở lên

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
1	Công ty TNHH MTV Dệt May Gia Định	0300744507	10-12-14-16 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.NTB, Q.1, TP.HCM	1.066.627	10,03%
2	Lâm Quang Thái	023930608	317/38 KP3, P. Thạnh Xuân, Quận 12, Tp. HCM	1.762.238	16,57%
3	Lâm Quang Vinh	023788858	710/38 LŨY BÁN BÍCH, P.TÂN THÀNH, Q.TÂN PHÚ, TPHCM	816.180	7,68%

Hoạt động tăng vốn chủ sở hữu

Năm	Vốn điều lệ (VNĐ)
2004	22.750.000.000
2008	46.694.970.000
2009	88.685.710.000
2013	106.324.310.000

Mặc dù tình hình thị trường chứng khoán chưa thực sự khởi sắc vào đầu năm 2013 nhưng GMC đã thực hiện chào bán thành công 1.763.860 cổ phiếu, thu về số tiền ròng 21.051.270.000 đồng cho Garmex Saigon. Số tiền này được sử dụng vào mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhờ huy động thành công, Công ty có thêm nguồn vốn bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh nên Lợi nhuận hoạt động trong năm 2013 đã tăng đáng kể.

Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Trong giai đoạn 2009 – 2013, GMC đã thực hiện mua lại tổng cộng 45.710 cổ phiếu (giao dịch mua lại số lượng cổ phiếu này được thực hiện từ 25/02/2011 đến 31/03/2011). Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại (tính đến thời điểm 31/12/2013) của GMC là 49.260 cổ phiếu.

Các chứng khoán khác: không có

III. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

39

Đánh giá của Ban Tổng giám đốc (B.TGD) về kết quả sản xuất kinh doanh

43

Đánh giá của B.TGD về tình hình tài chính Công ty

50

Đánh giá của B.TGD về công tác thị trường, tiếp thị của Công ty

51

Đánh giá của B.TGD về việc thực hiện trách nhiệm xã hội của Công ty

52

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

53

Kế hoạch hoạt động

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ II

Chỉ tiêu	ĐVT	2009		2010		2011		2012		2013	
		Thực hiện	So với Kế hoạch	Thực hiện	So với Kế hoạch	Thực hiện	So với Kế hoạch	Thực hiện	So với Kế hoạch	Thực hiện	So với Kế hoạch
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	380	102,84%	631	138,48%	888	126,71%	1.059	120,08%	1.228	122,7%
LNTT		42,3	128,32%	40	133,52%	52,5	131,29%	61,4	111,77%	65,1	104,95%

Từ bảng tóm tắt số liệu trên cho thấy điểm nổi bật nhất qua tất cả các năm trong nhiệm kỳ II là kết quả kinh doanh của Công ty luôn tích cực khi duy trì năng lực sản xuất kinh doanh liên tục tăng trưởng và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Đây là thành quả đáng ghi nhận khi bối cảnh chung của kinh tế trong và ngoài nước rơi vào tình trạng suy thoái kéo dài.

Tốc độ tăng trưởng bình quân doanh thu đạt trên 30%, tăng trưởng lợi nhuận bình quân qua các năm đạt 12% đã thể hiện năng lực điều hành của Ban tổng giám đốc:

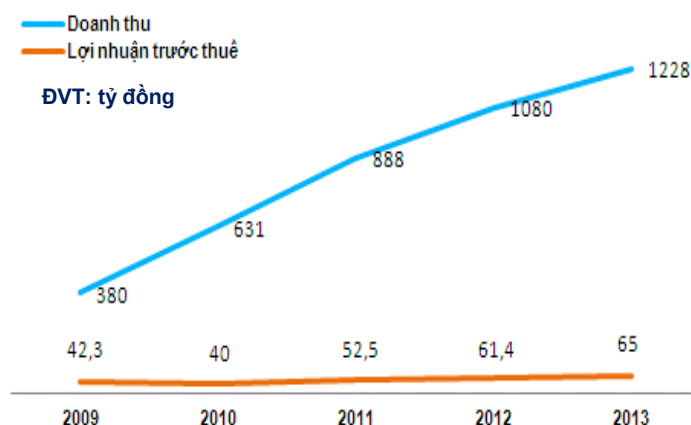
✓ Linh hoạt trong điều hành sản xuất: khi có tín hiệu không tốt từ thị trường truyền thống EU, Ban điều hành đã nhanh chóng thay đổi thị trường xuất khẩu trong cơ cấu khách hàng cũng như cân đối kịp thời giữa năng lực sản xuất hàng xuất khẩu và nội địa nhằm duy trì sự ổn định sản xuất, đảm bảo tăng trưởng bền vững trong cả nhiệm kỳ;

✓ Đầu tư có chiều sâu, trọng điểm các trang thiết bị máy móc, phương tiện làm việc nhằm kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất từ khâu định mức, đi sơ đồ, cắt...nhờ đó có thể giảm tiêu hao đầu vào, hàng tồn kho...;

✓ Kiểm soát chặt chẽ trong việc xây dựng giá thành sản phẩm;

✓ Tăng cường công tác quản lý chi phí: siết chặt chi phí đầu vào, tiết kiệm chi phí trong quá trình sản xuất.

Doanh thu và lợi nhuận qua các năm



Bên cạnh các chỉ tiêu chính về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu về năng lực sản xuất, năng suất lao động qua các năm...cũng cho thấy nhiều thành tựu trong việc quản lý, điều hành của Công ty:

Chỉ tiêu hoạt động	ĐVT	2009	2010	2011	2012	2013
Số chuyền may	Chuyền	34	40	45	48	51
Năng suất lao động bình quân	USD/ người /ngày	8,42	11,4	13,83	14,66	15,92
Số lượng lao động bình quân	Người	2.554	2.628	2.988	3.204	3.320
Thu nhập lao động bình quân	Triệu đồng/người/tháng	3,4	4,6	6,1	6,6	7,7

Sự tăng trưởng của các chỉ tiêu trên cho thấy sự chú trọng toàn diện của Ban lãnh đạo công ty trong suốt nhiệm kỳ. Công ty luôn coi trọng việc hài hòa lợi ích giữa người lao động và kết quả hoạt động chung của toàn Công ty. Nhờ vậy, Công ty đã đang và sẽ duy trì và phát huy sự tăng trưởng bền vững cũng như ngày càng củng cố và tăng cường vị thế của mình trong chuỗi cung ứng, nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty trong giai đoạn giao thoa hội nhập với kinh tế quốc tế và khu vực.



Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013

Theo đánh giá chung của Chính phủ, năm 2013 nền kinh tế Việt Nam đang trên đà phục hồi, các ngành, lĩnh vực đều đạt được những kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng kinh tế mặc dù có cao hơn năm trước nhưng chưa đạt kế hoạch đề ra, kinh tế vĩ mô chưa thực sự vững chắc, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Lạm phát tuy đã được kiềm chế nhưng vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ tăng trở lại. Nợ xấu chưa được giải quyết cơ bản. Việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng của doanh nghiệp còn nhiều khó khăn. Thị trường chứng khoán phục hồi chậm...

Ngành Dệt may Việt Nam, năm 2013 đã tạo thêm hơn 200 ngàn việc làm mới, tự tin đón đầu những cơ hội phát triển trong tương lai nhưng vẫn còn hai hạn chế lớn là tỷ lệ nội địa hóa thấp và chi phí tín dụng còn cao. Ngay từ đầu năm Chính phủ đã có Nghị quyết 02/NQ-CP tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu. Theo đó, các doanh nghiệp dệt may được gia hạn 6 tháng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng phải nộp trong quý I/2013, và 3 tháng đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong quý II-III/2013. Lãi suất tín dụng được Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh giảm giúp doanh nghiệp dệt may có khả năng cạnh tranh cao hơn.

Nhờ chủ động nắm bắt thị trường, tận dụng cơ hội, dưới sự giám sát, quản lý và hỗ trợ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc Garmex Sài Gòn đã lãnh đạo, điều hành Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu ĐHCĐ năm 2013 đề ra như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	+/- so với 2012	So với kế hoạch
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.059	1.001	1.228	16%	123%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	61,4	57,6	65	5,86%	105%
Năng lực sản xuất						
<i>Lao động bình quân</i>	Người	3.024		3.320	3,6%	
<i>Số chuyển sản xuất</i>	Chuyển	45	48	48	6,7%	100%
Năng suất lao động	USD/người/ngày	14,66		15,92	8,59%	119%
Kim ngạch xuất khẩu	USD	44.809.429		52.444.540	7.26%	
Thu nhập bình quân của người lao động	VNĐ/người/tháng	6.614.240		7.708.775	16,54%	

Những tiến bộ

Về công tác thị trường: Trước thực trạng khó khăn chung của nền kinh tế trong và ngoài nước, Tập thể CBCNV Garmex Sài Gòn đã không ngừng nỗ lực, nắm bắt kịp thời các cơ hội hợp tác, sản xuất kinh doanh để có được lượng đơn hàng dồi dào, năng lực sản xuất không ngừng tăng cao qua các năm.

Về năng lực cạnh tranh: Năng lực đàm phán cùng với giá trị cốt lõi của Công ty ngày càng được tăng cường, khẳng định vị thế của GMC trong chuỗi cung ứng.

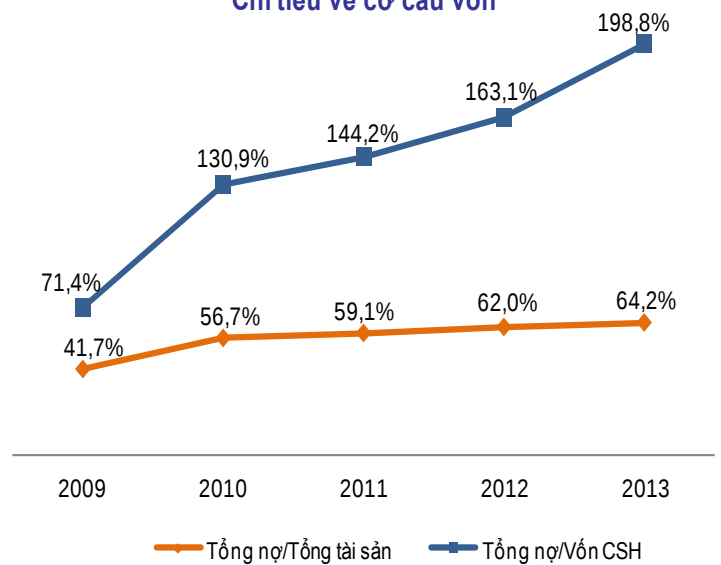
Về công tác đầu tư: Đầu tư có chiều sâu, trọng điểm trong việc áp dụng Lean hóa trong tổ chức sản xuất, tăng số lượng chuyển may qua các năm, IT hóa trong các khâu sản xuất, hoạt động.

Về chính sách đối với người lao động: Các chính sách, chương trình đãi ngộ, quan tâm chăm sóc người lao động luôn là thế mạnh của Công ty. Với phương châm coi nguồn nhân lực là tài sản quý, Công ty luôn đảm bảo môi trường làm việc xanh, sạch, thân thiện; bảo đảm việc làm ổn định cho người lao động. Thu nhập bình quân người lao động không ngừng tăng thêm qua các năm. Tăng cường các chương trình, phong trào thi đua nâng cao năng suất lao động, phát huy sáng kiến, cải tiến trong sản xuất nhằm tối đa hóa nội lực của Công ty.

Tổng quan về cơ cấu vốn của GMC qua các năm

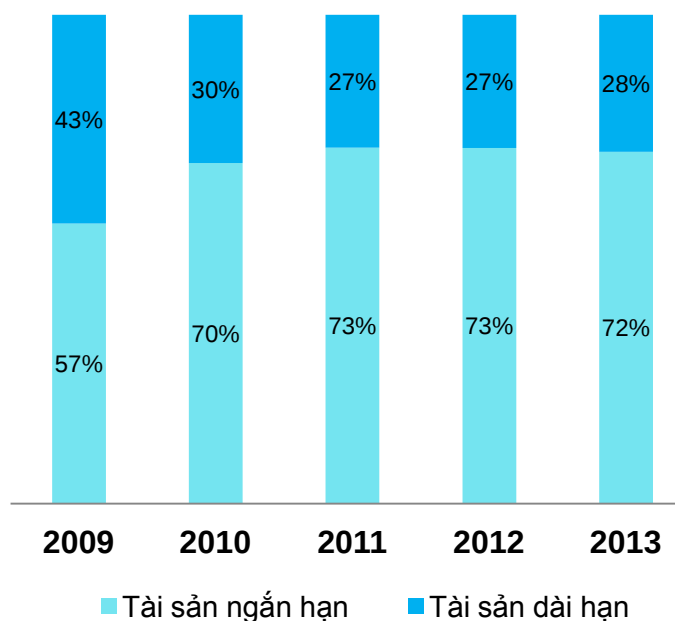
Công ty có xu hướng tăng đòn bẩy nợ qua các năm trong giai đoạn 2009-2013 để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và mở rộng sản xuất. Tổng nợ phải trả tăng từ 88,7 tỷ đồng tại thời điểm 01/01/2009 lên 422 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2013. Trong khi đó, vốn chủ sở hữu chỉ tăng từ 124,2 tỷ đồng tại thời điểm 01/01/2009 lên 212,6 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2013. Tính đến 31/12/2013, chỉ số tổng nợ trên tổng tài sản và tổng nợ trên vốn chủ sở hữu lần lượt là 64,2% và 198,8%. Đây là mức tương đối thấp so với các doanh nghiệp khác trong ngành dệt may cho thấy công ty có cơ cấu vốn tốt để đảm bảo không có những rủi ro phát sinh và chi phí vốn vay thấp.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



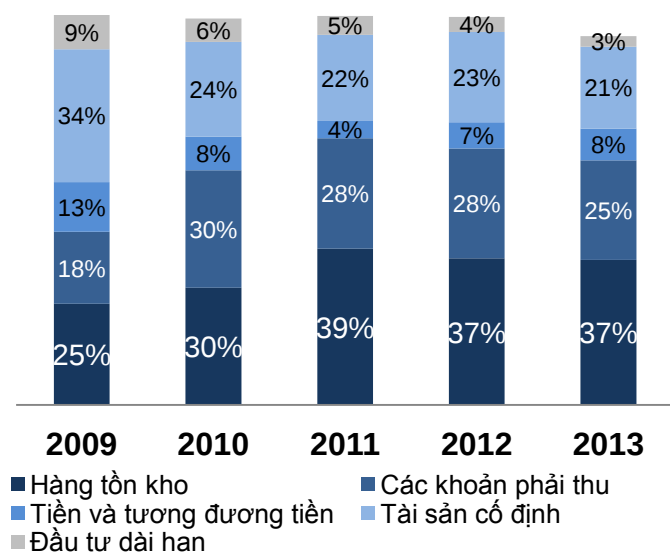
Tình hình tài sản

Cơ cấu tài sản



Về Tổng quan cơ cấu tài sản: Trong cơ cấu tài sản qua các năm, tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng ổn định khoảng 72%-73%. Tốc độ tăng trưởng tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn trong giai đoạn 2009-2013 lần lượt là 39,9% và 15,7%.

Cơ cấu thành phần/Tổng tài sản



Cơ cấu thành phần tài sản: Tỷ trọng hàng tồn kho trên tổng tài sản trong 3 năm gần nhất tương đối ổn định với 37%-39%. Tính đến 31/12/2013, giá trị hàng tồn kho là 240,8 tỷ đồng. Giá trị các khoản phải thu cũng tăng qua các năm tương ứng với việc tăng doanh thu. Giá trị các khoản phải thu cuối 2013 là 165 tỷ đồng và Công ty không có rủi ro trọng yếu nào đối với các khoản phải thu. Tỷ trọng khoản tiền và tương đương tiền trên tổng tài sản đang có xu hướng tăng trong 3 năm gần nhất và đạt giá trị 52,4 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2013.

Khoản tăng trong tài sản dài hạn chủ yếu từ tài sản cố định và trả trước dài hạn. Tỷ trọng giá trị đầu tư tài chính dài hạn trên tổng tài sản liên tục giảm qua các năm và chỉ đạt 2,7% năm 2013 thể hiện định hướng của công ty trong việc cắt giảm đầu tư dàn trải và tập trung vào hoạt động cốt lõi là dệt may.

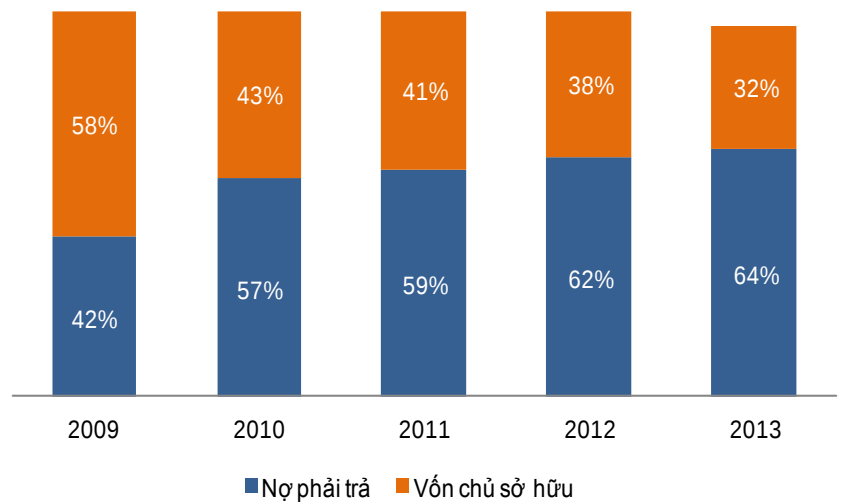
Tình hình nợ phải trả

Cơ cấu nợ phải trả

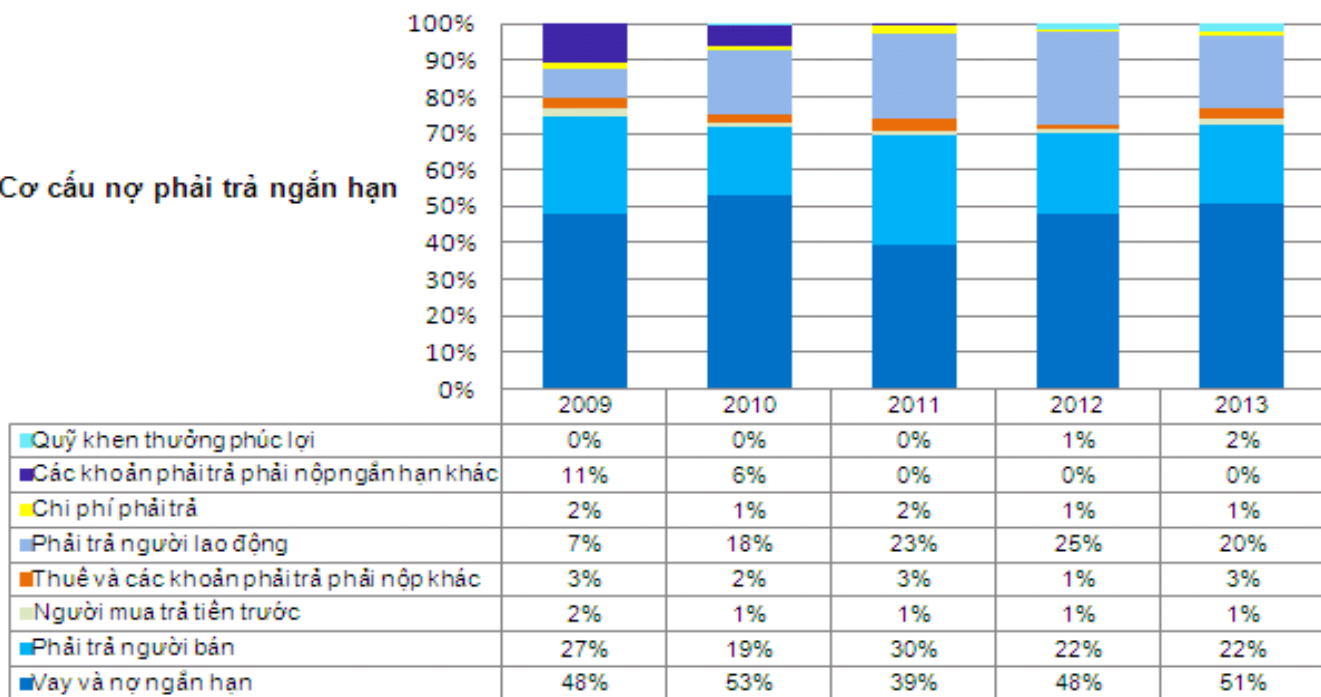
Tỷ trọng nợ phải trả trên tổng nguồn vốn tăng qua các năm do công ty sử dụng đòn bẩy tài chính tài trợ các hoạt động sản xuất kinh doanh. Vay ngắn hạn tăng qua các năm và đạt 214 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2013. Công ty không sử dụng vay nợ dài hạn.

Xét về cơ cấu nợ phải trả ngắn hạn, Vay và nợ ngắn hạn luôn là yếu tố chiếm tỷ trọng lớn nhất qua các năm với mức bình quân qua các năm đạt 45%. Tính đến cuối năm 2013, giá trị nợ vay phải trả ngắn hạn tăng gấp 5 lần so với năm 2009. Giá trị khoản mục phải trả người bán và phải trả người lao động là 02 khoản mục chiếm tỷ trọng đáng kể qua các nă

Cơ cấu nguồn vốn



Cơ cấu nợ phải trả ngắn hạn



Tình hình nợ xấu

Bảng cơ cấu nợ phải trả theo tuổi nợ dưới đây cho thấy năng lực tài chính lành mạnh của GMC.

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Tuổi nợ dưới 1 năm					Tuổi nợ từ 1 năm đến 5 năm				
	2009	2010	2011	2012	2013	2009	2010	2011	2012	2013
Vay và nợ	42,2	92,5	91,7	138,1	214	0	0	0	0	0
Phải trả người bán	23,8	32,8	69,9	64	91,9	0	0	0	0	0
Các khoản phải trả khác	1,4	43,6	6,3	2,9	1,9	0,59	1,76	0	0	0
Tổng cộng	67,4	168,9	167,9	205	307,8	0	0,59	1,76	0	0

Trên thực tế, Công ty luôn coi trọng công tác quản trị rủi ro nói chung và đặc biệt là rủi ro thanh khoản nói riêng. Ban điều hành luôn giám sát hoạt động quản lý rủi ro thông qua việc thường xuyên theo dõi yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động dòng tiền của Công ty.

Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá và lãi vay

VỀ CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ:

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tài sản/(nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Garmex Saigon như sau:

	2009		2010		2011		2011		2013	
	USD	EUR	USD	EUR	USD	EUR	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và tương đương tiền	1.262.726	3.191	1.305.924	3.443	730.722	3.446	1.074.334	3.441	2.151.140	3.426
Phải thu khách hàng	882.140		3.625.335		1.295.314		2.950.187		3.938.042	
Vay và nợ	(412.958)		(4.396.882)		(4.404.557)		(6.641.106)		(10.151.905)	
Phải trả người bán	(912.093)		(551.366)		(2.040.827)		(1.881.477)		(2.052.816)	
Tài sản/(nợ phải trả) thuần	819.815	3.191	(16.989)	3.443	(4.467.982)	3.446	(4.498.063)	3.441	(4.665.912)	3.441

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng USD và EUR. Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 1% so với các đồng tiền trên. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 1% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% thì lỗ trước thuế trong năm của công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

Ngoại tệ	2009	2010	2011	2012	2013
USD	(8.198)	170	44.680	44.981	46.659
EUR	31,9	34,4	34,5	34,4	34,4

Vậy nếu tỷ giá USD/VND và EUR/VND tăng/giảm 1% thì lỗ trước thuế trong năm của công ty sẽ tăng/giảm tương ứng khoảng 1 tỷ đồng. Nếu so với lợi nhuận trước thuế năm 2013 của công ty là 65 tỷ đồng thì con số này không quá lớn cho thấy công ty vẫn chịu rủi ro về biến động tỷ giá nhưng không quá lớn.

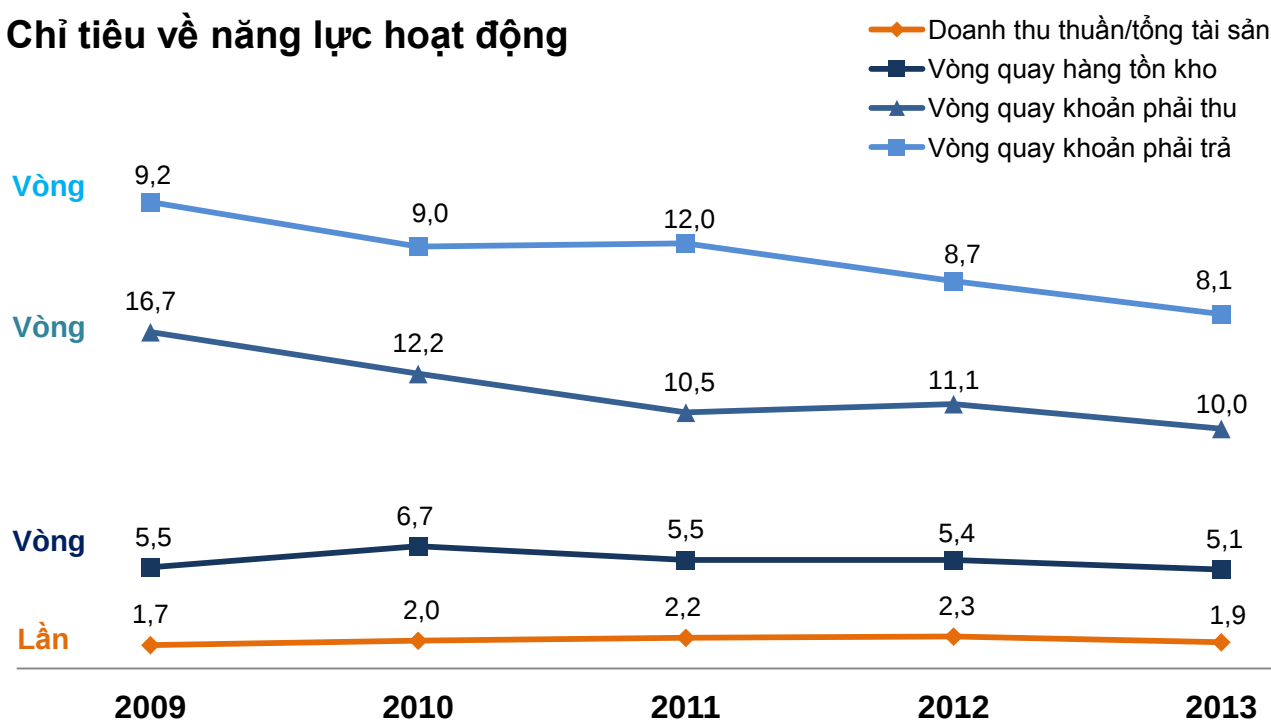
VỀ CHÊNH LỆCH LÃI VAY:

Với tỷ trọng khoảng 0,9% đến 1% trong năm 2012, 2013 so với doanh thu thuần, thì chi phí tài chính nói chung và chi phí lãi vay nói riêng không có nhiều tác động đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chung của Công ty:

Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013
Chi phí tài chính	Triệu đồng	9.862	13.419
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	Triệu đồng	7.461	6.651
% doanh thu thuần	%	0,9%	1,1%

Đánh giá năng lực tài chính
của Công ty qua các năm

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



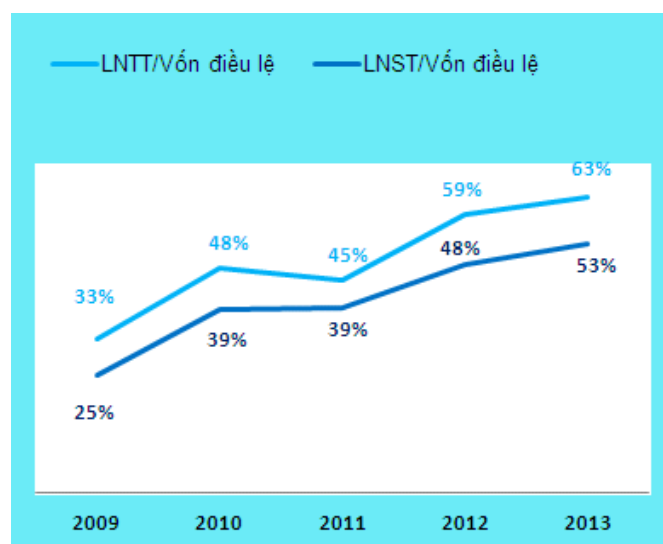
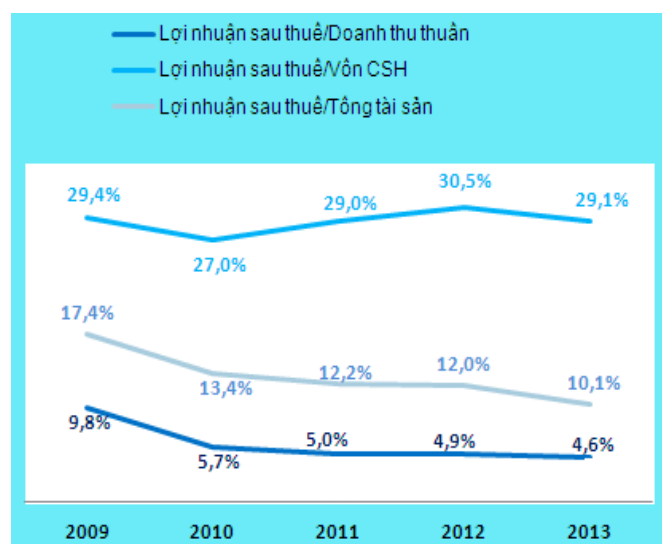
Vòng quay hàng tồn kho có xu hướng giảm trong giai đoạn 2009-2013 và đạt 5,1 vòng năm 2013. Đây vẫn là mức cao so với các công ty khác trong ngành dệt may cho thấy công ty đã thực hiện tốt công tác lưu chuyển hàng hóa và đảm bảo lượng hàng tồn kho ở mức thấp. Vòng quay khoản phải thu liên tục giảm trong giai đoạn 2009-2013. Điều này cho thấy thời gian công ty bị chiếm dụng vốn từ các khoản phải thu tăng lên. Năm 2013, vòng quay khoản phải thu đạt 10 vòng, tương ứng 37 ngày. Vòng quay các khoản phải trả cũng xu hướng giảm trong giai đoạn 2009-2013. Thời gian phải trả tăng lên giúp công ty giảm áp lực phải trả và tăng thời gian chiếm dụng vốn khoản phải trả. Tỷ lệ doanh thu thuần trên tổng tài sản tăng trong giai đoạn 2009-2012 và giảm trong năm 2013, do tốc độ tăng trưởng tổng tài sản năm 2013 đạt mức cao là 41,2% trong khi doanh thu tăng trưởng với tốc độ thấp hơn là 16%. Năm 2013, tỷ lệ doanh thu thuần trên tổng tài sản đạt 1,9; đây là mức cao so với các doanh nghiệp dệt may cùng ngành cho thấy hiệu quả trong việc đầu tư và sử dụng tài sản của công ty.

Khả năng thanh toán

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	2009	2010	2011	2012	2013
Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,38	1,23	1,24	1,17	1,12
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,77	0,71	0,57	0,58	0,55

Hệ số thanh toán có xu hướng giảm trong giai đoạn 2009-2013, chủ yếu do công ty tăng đòn bẩy nợ để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tốc độ tăng trưởng trung bình tài sản ngắn hạn đạt 39,9%/năm, trong khi tốc độ tăng trưởng trung bình nợ ngắn hạn đạt đến 44,6%/năm. Hệ số thanh toán hiện hành và thanh toán nhanh chênh lệch lớn do đặc tính của hoạt động sản xuất may mặc là lượng hàng tồn kho lớn. Năm 2013, hệ số thanh toán hiện hành và thanh toán nhanh lần lượt đạt 1,12 và 0,55; chênh lệch không đáng kể so với các doanh nghiệp khác của ngành dệt may và đảm bảo công ty không gặp các rủi ro về thanh toán.

Khả năng sinh lời



Mặc dù tỷ trọng các loại chi phí tài chính, bán hàng và quản lý doanh nghiệp trên doanh thu liên tục giảm qua các năm nhưng do biên lợi nhuận gộp cũng giảm tương ứng chủ yếu do giá cả nguyên liệu đầu vào và chi phí nhân công tăng nên biên lợi nhuận thuần của công ty cũng giảm qua các năm.

Năm 2013, biên lợi nhuận thuần đạt 4,6%; đây là mức thấp nhất trong giai đoạn 2009-2013 chủ yếu do biên lợi nhuận gộp chỉ đạt 13,5%. Tuy nhiên, so sánh với các công ty cùng ngành, đây vẫn là mức tương đối cao cho thấy sự hiệu quả trong hoạt động của Công ty.

Chỉ số ROA năm 2013 đạt 10,1%; đây là mức thấp so với các năm trước do tốc độ tăng trưởng tổng tài sản cao hơn tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế nhưng vẫn là mức cao hơn so với trung bình ngành. Chỉ số ROE không biến động mạnh qua các năm do công ty chủ yếu sử dụng đòn bẩy tài chính để tài trợ hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm 2013, ROE đạt 29,1%; đây là mức cao so với các doanh nghiệp khác trong ngành dệt may.

CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG, TIẾP THỊ

Chiến lược thị trường, hoạt động marketing của Công ty linh hoạt điều chỉnh theo cơ cấu thị trường của Công ty trong từng giai đoạn và phụ thuộc nhiều vào diễn biến kinh tế trong và ngoài nước. Hội đồng quản trị Công ty theo dõi chặt chẽ và thường xuyên cập nhật xu hướng, diễn biến thị trường đầu vào, đầu ra để có những quyết sách phù hợp.

Trong nhiệm kỳ II, GMC đã chủ động dịch cơ cấu thị trường phù hợp với tình hình thực tế. Tính đến 2013, cơ cấu thị trường xuất khẩu của Công ty là: EU 53%, Mỹ 38%, Nhật và các thị trường khác = 9% trong khi năm 2010 tỷ trọng xuất khẩu sang EU chiếm hơn 70% trong tổng doanh thu. Đây là phương thức quản lý rủi ro thị trường khá hiệu quả, đảm bảo ổn định sản lượng sản xuất, đơn hàng trong các năm qua cho Công ty.

Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh theo hướng FOB, thay thế cho sự bị động trong việc phát triển khách hàng, mua nguyên phụ liệu theo sự chỉ định...GMC đã quyết định phát triển phương thức “Mua tận gốc, bán tận ngọn”, chủ động tiếp xúc, tìm kiếm khách hàng thông qua việc tham gia hội chợ chuyên ngành tại thị trường mục tiêu, đặt văn phòng giao dịch tại Mỹ và Hồng Kông để mở rộng mạng lưới khách hàng, khai thác tận gốc nguồn nguyên phụ liệu.

Ngoài ra, đối với thị trường quốc nội, Công ty đã tiến hành hợp tác chiến lược với Công ty thời trang xanh cơ bản để khai thác thị trường nội địa và tranh thủ một số lợi ích khác:

- + Khai thác thị trường bán lẻ hàng may mặc thời trang tại Việt Nam bằng phương thức “mua đứt, bán đoạn” qua hệ thống của BLUE EXCHANGE;
- + Từng bước thâm nhập thị trường bán lẻ hàng may mặc thời trang tại một số nước trong ASEAN 2015;
- + Sử dụng văn phòng thương mại Hồng Kông và các mối quan hệ tại Mỹ của The Blue để khai thác khách hàng và nguồn nguyên liệu;
- + Cùng phát triển trung tâm bán lẻ hàng may mặc thời trang của GMC ở 332 Lũy Bán Bích, Q.Tân Phú, Tp.HCM.

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Xuyên suốt nhiệm kỳ II, Trách nhiệm xã hội luôn được GMC chú trọng thực hiện. Ý thức được tầm quan trọng của hệ thống các quy chuẩn trách nhiệm xã hội đặc biệt trong giai đoạn hội nhập sâu rộng như hiện nay, Garmex Saigon đã, đang và sẽ cam kết đóng góp cho sự phát triển bền vững thông qua việc tuân thủ những chuẩn mực về bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn lao động, trả lương công bằng, đào tạo và phát triển nhân viên, đóng góp cho cộng đồng...

Trong những năm qua, Garmex Saigon luôn được khách hàng, đối tác đánh giá cao về công tác thực hiện và đảm bảo tuân thủ những cam kết liên quan đến trách nhiệm xã hội. Bên cạnh những quy chuẩn chung được quốc tế công nhận SA 8000, WRAP..., GMC còn tổ chức thi đua thực hiện giữa các xí nghiệp sản xuất chương trình nội bộ 5S (**Sàng lọc – Sắp xếp – Sạch sẽ - Săn sóc - Sẵn sàng**), gắn liền thành tích thi đua với các chế độ, chính sách khen thưởng đối với từng đơn vị, bộ phận...

Bên cạnh việc sát sao triển khai thực hiện trách nhiệm xã hội trong nội bộ Công ty, trong những năm qua, GMC đã rất tích cực trong công tác từ thiện, đóng góp cho cộng đồng:

Năm	Hoạt động	Đóng góp
2009	Ủng hộ lũ lụt	31.990.000 VNĐ
	Ủng hộ công nhân mắc bệnh hiểm nghèo	20.000.000 VNĐ
2010	Ủng hộ người nghèo tại Miền Trung – tặng quà cho trẻ em bệnh hiểm nghèo tại trung tâm ung bướu	115.000.000 VNĐ
	Ủng hộ đồng bào Miền Trung bị lũ lụt	58.000.000 VNĐ
2011	Ủng hộ nhân dân Nhật Bản bị sóng thần	100.000.000 VNĐ
	Ủng hộ Ngư dân miền Trung	112.089.600 VNĐ
	Ủng hộ huyện Càng Long Tỉnh Trà Vinh xây dựng nhà tình nghĩa	30.000.000 VNĐ
2012	Vận động mua máy chạy thận cho bệnh nhi Bệnh viện Nhi đồng 2 Các kết quả sau gần 5 tháng từ ngày 18/4 đến nay : Máy hoạt động liên tục: đã có 250 lượt chạy thận cho các cháu , hiệu quả bổ sung 25% của khoa chạy thận nhân tạo. Công suất máy sử dụng hiệu quả thay thế cho những máy cũ tại bệnh viện (đã qua gần 40 năm sử dụng) Kịp thời chữa trị cho các cháu không xảy ra trường hợp trước đây các thiết bị quá cũ bị hỏng phải chờ sửa chữa	357.650.000 VNĐ
	Ủng hộ mua bảo hiểm cho ngư dân đánh cá biển đảo (101 ngư dân)	23.087.530 VNĐ
	Ủng hộ mua bảo hiểm cho ngư dân đánh giá vùng biển đảo (101 ngư dân)	23.500.000 VNĐ
2013	Ngoài công tác sản xuất lãnh đạo công ty cũng quan tâm đến công tác xã hội cộng đồng, đóng góp cho mặt trận tổ quốc ủng hộ nhân dân miền trung bị bão lũ 2013, đi thăm thực tế và chi ủng hộ cho Công nhân có gia đình bị bão lũ, hàng năm vào dịp Tết nguyên đán Đảng ủy Công Đoàn – Thanh niên đi thăm và tặng quà các trung tâm bảo trợ trẻ tàn tật mồ côi thị nghè, Trung tâm NDBT người bại liệt Thanh Lộc, Khoa nhi bệnh viện trung tâm ung bướu	170.000.000 VNĐ

NHỮNG CẢI TIẾN TRONG TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ...

Tái cấu trúc năng lực quản lý sản xuất - Lean hóa: Kết hợp với các phương pháp quản lý khác, Lean manufacturing là một hệ thống các công cụ và phương pháp nhằm liên tục loại bỏ tất cả những lãng phí trong quá trình sản xuất. Nhờ vậy, GMC đã giảm chi phí sản xuất, tăng sản lượng và rút ngắn được thời gian sản xuất bao gồm: Giảm phế phẩm và các lãng phí hữu hình khác không cần thiết (sử dụng vượt định mức nguyên phụ liệu đầu vào, các chi phí liên quan đến tái chế phế phẩm, ...); Giảm thời gian quy trình và chu kỳ sản xuất bằng cách giảm thiểu thời gian chờ đợi giữa các công đoạn cũng như thời gian chuẩn bị cho quy trình và thời gian chuyển đổi mẫu mã hay quy cách sản phẩm; Giảm thiểu mức hàng tồn kho; Cải thiện năng suất lao động; Sử dụng thiết bị và mặt bằng sản xuất hiệu quả hơn, giảm thiểu thời gian dừng máy;

Không ngừng đổi mới chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh:

CMT (Gia công) => FOB Chỉ định (nhà nhập khẩu chỉ định nguồn nguyên liệu) => FOB toàn phần (công ty tự mua nguồn nguyên liệu, tự may và chào bán sản phẩm) => (định hướng) ODM (Công ty tự thiết kế, sản xuất và bán sản phẩm cho khách hàng): Những con số tăng trưởng về sản lượng, kim ngạch xuất khẩu, năng suất lao động, ... như phân tích ở trên đã chứng minh được sự đúng đắn của chiến lược hoạt động của Garmex Saigon.

Tái cơ cấu thị trường, giảm thiểu rủi ro: Chuyển dịch từ EU (>70% năm 2010) sang Hoa Kỳ và Nhật bản với cơ cấu an toàn EU = USA = 40% và Nhật + các thị trường khác = 20%; cân đối giữa xuất khẩu và nội địa (90/10%)... Sự linh hoạt này đã giúp GMC đảm bảo giảm thiểu rủi ro thị trường, duy trì đà tăng trưởng doanh số cũng như ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động, tăng lợi thế so sánh cạnh tranh của Công ty.

Uy tín và thương hiệu GMC ngày càng được khẳng định: Trong những năm gần đây, không ít các đối tác là các thương hiệu lớn trên thế giới đã chủ động tìm đến Garmex Saigon để tìm hiểu, khảo sát thực tế và đặt vấn đề hợp tác, xây dựng mối quan hệ lâu dài với Công ty như Tập đoàn Oxlylane (Pháp), Academy (Mỹ), ...; Nhiều quỹ đầu tư trong và ngoài nước cũng có sự quan tâm đặc biệt đến hoạt động sản xuất kinh doanh của GMC: SSI, VNDIRECT, Quỹ Black Horse (Singapore)...

Triển vọng ngành dệt may trong tương lai

◆ **Dệt may vẫn sẽ là ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam** Nhờ kỳ vọng từ các Hiệp định thương mại tự do như TPP, FTA, EU-Việt Nam... và những lợi thế cạnh tranh sẵn có. Doanh thu và kim ngạch xuất khẩu dệt may cả nước 2014 dự báo sẽ đạt mức tăng trưởng 12% so với 2013.

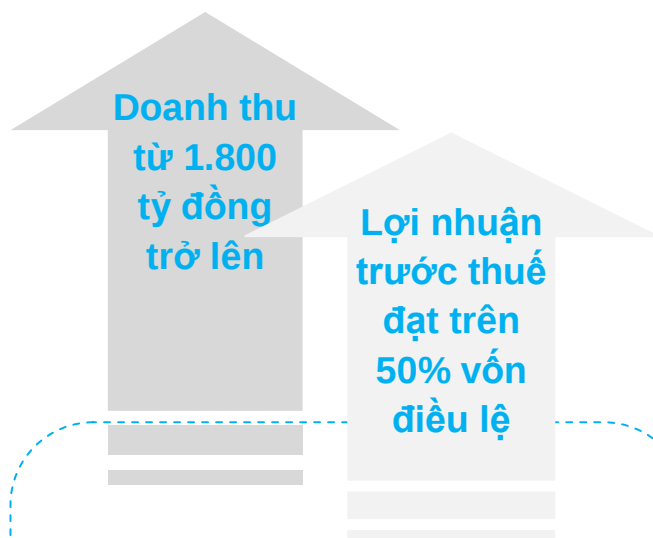
◆ **Hiệp định TPP được kỳ vọng sẽ ký kết năm 2014 và bắt đầu có hiệu lực từ 2015** sẽ giúp thuế quan xuất khẩu sang thị trường US giảm về 0% từ mức 17-18% như hiện nay. Hưởng lợi từ chính sách ưu đãi này, Việt Nam sẽ có lợi thế hơn so với các đối thủ cạnh tranh hiện nay như Trung Quốc, Bangladesh, Indonesia...

◆ **FTA EU – Việt Nam dự kiến sẽ được ký kết vào tháng 9/2014 và có hiệu lực từ năm 2015** sẽ giúp mức thuế suất vào thị trường EU giảm từ 11,7% về 0%. Theo đó, giá trị xuất khẩu dệt may vào thị trường EU sẽ tăng trưởng bình quân 6% kể từ khi Hiệp ước FTA EU – Việt Nam bắt đầu có hiệu lực.

◆ **Dự báo giá trị xuất khẩu sang thị trường Mỹ năm 2014 sẽ đạt 10 tỷ USD, tương đương mức tăng 17% so với 2013.**

◆ **Bên cạnh đó, xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản** tiếp tục khả quan nhờ hiệp ước FTA Việt Nam – Nhật Bản và chính sách giảm nhập khẩu từ Trung Quốc vào Nhật Bản. Nhờ đó, kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam dự báo sẽ đạt khoảng 2,8 – 3 tỷ USD, tương đương mức tăng 20% đến 30% so với cùng kỳ.

Chỉ tiêu kế hoạch nhiệm kỳ III



Xét tình hình chuyển biến của kinh tế trong và ngoài nước nói chung, tiềm năng phát triển của ngành dệt may trong tương lai nói riêng và đặc biệt, xét đến thế mạnh và năng lực cạnh tranh của GMC, Ban tổng giám đốc đề ra chỉ tiêu kế hoạch hoạt động của Công ty trong giai đoạn 2014 – 2018 như sau trên.



Chỉ tiêu kế hoạch năm 2014

Thuận lợi và cơ hội

- Các khách hàng truyền thống tiếp tục ưu tiên đặt hàng với số lượng lớn. Các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước, tiếp tục cấp hạn mức tín dụng và dịch vụ ưu đãi cho công ty.

- Hệ thống quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng hoàn thiện, nhân sự ngày càng chuyên nghiệp và nhiều kinh nghiệm trong phát triển năng lực lõi.

- Duy trì phương thức kinh Doanh FOB, từng bước chuyển đổi qua phương thức kinh doanh ODM để nâng cao hiệu quả.

- Nền kinh tế toàn cầu dù đang có chuyển biến tích cực nhưng khả năng phục hồi vẫn còn chậm;

- Nguyên phụ liệu vẫn phải nhập khẩu là chủ yếu, chất lượng không được cải thiện làm phát sinh chi phí kiểm tra xử lý, ảnh hưởng đến thời gian sản xuất.

- Công ty TNHH Sài Gòn Xanh mới đi vào hoạt động, kết quả hoạt động của Công ty Sài Gòn Xanh sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động chung của Công ty.

- Cạnh tranh thị trường nguồn cung lao động đang là một trong những thách thức lớn của GMC trong thời gian tới.

Khó khăn và thách thức

Chỉ tiêu cụ thể

TỔNG DOANH THU 1.300.000.000.000 VNĐ

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ 67.000.000.000 VNĐ

CỔ TỨC 20 – 30% Vốn điều lệ



IV. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

56

Báo cáo đánh giá HĐQT về các mặt hoạt động

58

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của B.TGD

61

Kế hoạch – Định hướng của HĐQT

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động

Trong bối cảnh chung của giai đoạn 2009 – 2013, nền kinh tế trong và ngoài nước đều đang trải qua nhiều biến động: Tình hình thế giới diễn biến phức tạp, thay đổi liên tục và bất ngờ cả về phương diện kinh tế lẫn chính trị. Nền kinh tế Việt Nam với xu hướng ngày càng hội nhập sâu cũng đã trải qua không ít thăng trầm. Những diễn biến bất lợi của kinh tế toàn cầu cùng với những yếu kém, bất cập nội tại của nền kinh tế trong nước đã tác động mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam và Garmex Saigon không là một ngoại lệ: lạm phát tăng cao, lãi suất biến động, chi phí đầu vào tăng, thị trường tài chính bất ổn...

Trước bối cảnh đầy thách thức đó, Hội đồng quản trị cùng với Ban điều hành đã nỗ lực không ngừng để thích ứng và linh hoạt trong quản lý, điều hành để duy trì được tăng trưởng bền vững, việc làm ổn định cho người lao động, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội...

Kết quả hoạt động trong nhiệm kỳ II:

Một số chỉ tiêu cơ bản

Chỉ tiêu	ĐVT	2009	2010	2011	2012	2013
Tổng doanh thu	Triệu đồng	354.254	613.916	865.687	1.058.993	1.228.479
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	42.346	40.057	52.516	61.471	65.071
Tổng tài sản	Triệu đồng	212.995	310.101	396.435	465.842	657.777
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	124.237	134.321	162.320	177.063	212.561
Vốn điều lệ	Triệu đồng	88.686	88.686	88.686	88.686	106.324

- Tăng trưởng doanh thu bình quân cả nhiệm kỳ đạt hơn 30%. Tính đến cuối năm kết thúc nhiệm kỳ II (2013), tổng doanh thu tăng trưởng hơn 170% so với năm kết thúc nhiệm kỳ I (2008). Trong đó, tăng trưởng doanh thu từ FOB năm 2013 so với năm 2008 khá ấn tượng: tăng hơn 200%.
- Tốc độ tăng trưởng Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt mức bình quân hơn 30% trong khi tốc độ tăng trưởng của nhiệm kỳ I chỉ đạt hơn 20%. So với năm kết thúc nhiệm kỳ I – 2008, Lợi nhuận trước thuế năm 2013 tăng gần 3 lần (khoảng 22 tỷ đồng năm 2008 và 65 tỷ đồng năm 2013).
- Tương ứng với tăng trưởng về kết quả kinh doanh, quy mô tổng tài sản cũng tăng dần qua các năm trong nhiệm kỳ II: Giá trị tổng tài sản đạt 657,8 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2013, tăng 3,54 lần so với thời điểm 01/01/2009. Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị tổng tài sản trong giai đoạn 2009-2013 là 29,3%/năm. Năm 2013, công ty tăng mạnh với mức tăng 41,2% về giá trị tổng tài sản.
- Với 02 đợt phát hành tăng vốn trong nhiệm kỳ II (năm 2009 và 2013), quy mô vốn điều lệ của Garmex Saigon đã tăng gấp đôi so với cuối nhiệm kỳ I. Theo đó, Quy mô vốn chủ sở hữu cũng tăng trưởng 90% năm 2013 so với năm 2008.
- Với công tác điều hành linh hoạt, hài hòa lợi ích Công ty và cổ đông, trong suốt nhiệm kỳ, GMC luôn duy trì mức cổ tức từ 20% đến 25%.

Thành tựu trong công tác quản trị Công ty

- ❑ Nhìn chung, HĐQT và ban lãnh đạo Công ty đã có những quyết sách, chiến lược hợp lý, kịp thời và linh hoạt giúp Công ty phát triển bền vững trong giai đoạn khó khăn chung của kinh tế trong và ngoài nước. Nhờ vậy, trong suốt nhiệm kỳ II, Công ty đã đạt nhiều kết quả tích cực: tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận qua các năm, quy mô tổng tài sản, vốn chủ sở hữu được mở rộng, năng lực cạnh tranh của Garmex Saigon ngày càng được khẳng định.
- ❑ Chỉ đạo đột phá có trọng tâm, trọng điểm: Triển khai Chương trình Lean hóa (hoạch định, quản lý Khách hàng), chuyển đổi cơ chế quản lý từ phân quyền sang tập trung, chuyển đổi sang phương thức sản xuất và kinh doanh FOB;
- ❑ Minh bạch hóa các hoạt động công ty; xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc quản trị công ty; Cập nhật, hiệu chỉnh qui chế quản trị, qui chế hoạt động nội bộ, quan hệ cổ đông cho phù hợp thực tiễn, tiệm cận với nguyên tắc quản trị của OECD (tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế);
- ❑ Sửa đổi Điều lệ để cải tiến hoạt động theo quy định hiện hành;
- ❑ Tiếp tục cải tiến cho phù hợp với thông lệ quản trị của Cty niêm yết và cập nhật với yêu cầu của OECD;
- ❑ Chú trọng công tác quản lý, giám sát rủi ro trên các lĩnh vực hoạt động; quản trị rủi ro, cân đối nguồn vốn và tìm kiếm cơ hội khai thác tín dụng ưu đãi.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với B.TGD

- ✓ Giám sát công tác lãnh đạo, điều hành hoạt động của Ban Tổng giám đốc thông qua việc giám sát, theo dõi quá trình triển khai thực hiện các Nghị Quyết ĐHĐCĐ: giám sát việc thực hiện phân bổ lợi nhuận từng năm, thực hiện chi trả cổ tức, theo dõi việc triển khai thực hiện tổ chức sản xuất, kinh doanh theo định hướng chỉ tiêu đã đề ra...
- ✓ Chủ tịch HĐQT luôn theo sát các cuộc họp định kỳ và đột xuất với các cấp lãnh đạo trong Công ty để kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty;
- ✓ Thực hiện theo lộ trình việc phát hành cổ phiếu thưởng năm 2009 tăng vốn điều lệ cũng như quá trình sử dụng vốn đối với tăng vốn từ từ 88 tỷ đồng lên 106,3 tỷ đồng năm 2013.
- ✓ Giám sát tiến độ thực hiện các dự án: thành lập và đưa vào hoạt động Công ty TNHH Sài Gòn Xanh, Dự án xí nghiệp may Tân Mỹ...
- ✓ Giám sát quá trình triển khai công tác hợp tác chiến lược Phát triển thị trường nội địa với Công ty Thời trang Xanh cơ bản;

Những mặt được của B.TGD...

Nhiệm kỳ hai là giai đoạn tái cơ cấu mạnh mẽ: từ sau cổ phần hóa, Garmex Sai Gon ghi nhận những thành tựu nổi bật như:

- ✓ Thay đổi cơ cấu quản trị điều hành: tổ chức lại bộ máy quản trị và điều hành
- ✓ Thay đổi cơ chế quản lý: tập trung vai trò điều hành, quản lý về một mối là Công ty, đồng thời giao khoán cho các đơn vị, xí nghiệp....Nhờ vậy, khi có sự chuyển biến về nhu cầu của Khách Hàng, thị trường, Công ty vẫn đảm bảo linh hoạt điều chỉnh phù hợp và kịp thời. Công tác quản lý theo đó được chặt hơn, giảm bớt chi phí sản xuất...
- ✓ Tái cơ cấu sản xuất: chuyển đổi từ gia công sang mua nguyên liệu bán thành phẩm...(FOB), đòi hỏi có sự chuyển đổi mạnh mẽ trong mọi mặt đặc biệt là đội ngũ CBCNV (kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, tay nghề...)
- ✓ Luôn kiên định tư tưởng..."không thỏa mãn với quá khứ, không bằng lòng với hiện tại", Ban điều hành đã bước đầu thành công trong công cuộc tái cơ cấu chiến lược kinh doanh thông qua việc đang từng bước chuyển dịch dần sang thương mại.
- ✓ Bên cạnh việc không ngừng cải tiến, hiện thực hóa chiến lược hoạt động với những hướng đi mới, Ban Tổng giám đốc đã rất chú trọng tăng cường năng lực sản xuất bằng việc củng cố năng lực lõi, khẳng định từng bước chuyển đổi, tạo bước đệm cho việc tập trung chuyển dịch sang phương thức sản xuất ODM trong nhiệm kỳ tới.
- ✓ Việc đảm bảo cân đối hiệu quả nguồn vốn, tận dụng tốt nguồn tín dụng với chi phí hợp lý...cũng là một thành tựu trong công tác quản lý hoạt động của Ban điều hành.

Nhìn chung, sự quyết đoán của Ban điều hành là một trong những yếu tố tối quan trọng giúp Công ty vượt qua thách thức trở ngại của giai đoạn sau cổ phần hóa cũng như biến chuyển mạnh mẽ của thị hiếu Khách hàng. Đến nay, Garmex Sai Gon đang từng bước hình thành một bộ máy điều hành chuyên nghiệp.

Những mặt còn hạn chế...

Bộ máy điều hành mặc dù đang có sự chuyển biến tích cực, chuyên nghiệp hơn so với giai đoạn trước nhưng vẫn chưa theo kịp định hướng phát triển của Công ty;

- ✓ Thiếu nguồn nhân lực đáp ứng được yêu cầu mới của phương thức sản xuất ODM;
- ✓ Chưa có đủ đội ngũ cán bộ cấp quản lý ở các đơn vị sản xuất có đủ năng lực;
- ✓ Về tài chính: Chưa có sự cân đối hợp lý giữa nguồn vốn chủ sở hữu và nợ vay;
- ✓ Về sản xuất: với cơ cấu thị trường tiêu thụ của Công ty như hiện nay, đặc thù sản xuất của Công ty vẫn theo mùa vụ thể hiện sự phát triển năng lực sản xuất chưa phù hợp với hoạch định sản xuất;
- ✓ Về sản phẩm: sản phẩm của Công ty chưa đa dạng nên chưa thể thâm nhập được nhiều thị trường mới.

KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Cơ sở định hướng chiến lược:

- Phát triển và Cơ cấu lại thị trường/khách hàng để phù hợp với đường lối, định hướng phát triển cũng như tiềm năng, nội lực của Công ty;
- Quy mô sản xuất được mở rộng, tăng trưởng doanh thu để giảm định phí, nâng cao hiệu quả, tích lũy đầu tư;
- Nâng chất lượng phương thức FOB theo hướng nâng cao giá trị gia tăng;
- Thử nghiệm và thiết lập phương thức kinh doanh ODM để tạo sự khác biệt trong cạnh tranh trung - dài hạn;
- Thu hút vốn đầu tư FDI và cơ hội hợp tác quốc tế trong việc đầu tư sản xuất nguyên phụ liệu và cơ hội hợp tác;
- Đa dạng hóa nguồn nguyên vật liệu và đa phương hóa phương thức hợp tác;

Một số thách thức, rào cản:

- Do đặc thù ngành dệt may là thâm dụng lao động cùng với thực trạng hiện nay của ngành dệt may là tình trạng cầu lớn hơn cung dẫn đến sự cạnh tranh lao động ngày càng cao, theo đó, chi phí lao động cũng tăng theo. Đây sẽ là áp lực lớn đối với doanh nghiệp.
- Khả năng cung cấp nguyên liệu của ngành dệt Việt Nam còn thấp. Do vậy, cạnh tranh nguồn cung ứng nguyên phụ liệu về giá cả, chất lượng, thời gian giao hàng.
- Thị trường nội địa trước sự cạnh tranh hàng hiệu (từ các nước thuộc phạm vi hiệu lực của TPP; các nước trong khối EU) và hàng giá rẻ, kiểu dáng thời trang (hàng Trung Quốc...)
- Yêu cầu cao về trách nhiệm xã hội: nghĩa vụ đối với người lao động, cộng đồng và môi trường dẫn đến áp lực tăng chi phí.

Chiến lược phát triển chung

Củng cố và phát triển nguồn lực công ty vượt qua thách thức, tăng trưởng bền vững để trở thành một trong những công ty may mặc tốt nhất Việt Nam SẢN XUẤT HIỆU Quả – THƯƠNG HIỆU ĐẲNG CẤP

- ✓ Về thị trường: Hướng đến thị trường Nga: ý thức được những rào cản về thị hiếu, văn hóa...nhưng Nga được đánh giá là một thị trường tiêu thụ tiềm năng cho các sản phẩm dệt may Việt Nam.
- ✓ Về cơ cấu nguồn cung nguyên phụ liệu: hướng tới nội địa hóa.

Doanh thu
hợp nhất
≥ 1.800 tỷ
đồng

Lợi nhuận
≥ 50%
vốn điều
lệ

Cổ tức ≥
20% vốn
điều lệ

RoE ≥
25%
RoA ≥
12%
EPS ≥
5.000
đồng/cp

Nhiệm vụ trọng tâm

Củng cố vị thế, lợi thế cạnh tranh của Công ty trong chuỗi cung ứng của Khách hàng, từ đó phát huy vị thế của Công ty trong hệ thống tín dụng và sản giao dịch chứng khoán thông qua việc phát triển năng lực lõi với ba trụ cột:

- ❶ Đảm bảo lợi ích và giá trị cho Khách hàng trong quá trình hợp tác: (i) hệ thống quản lý chất lượng và năng suất; (ii) giá thành cạnh tranh và (iii) tuân thủ hệ thống trách nhiệm xã hội;
- ❷ Phát triển phương thức kinh doanh ODM và nâng cao hàm lượng kỹ thuật trong sản phẩm FOB như một lợi thế khác biệt trong trung hạn.

Củng cố, phát triển và hoàn thiện bộ máy, nguồn nhân lực chuyên nghiệp hóa nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu mở rộng sản xuất, chuyển đổi phương thức kinh doanh;

Cải tiến không ngừng cơ chế quản trị, điều hành, chú trọng việc cập nhật, dự báo, quản trị rủi ro để kịp thời đưa ra giải pháp; chủ động linh hoạt trong phát triển sản phẩm, thị trường và khách hàng mới;

Cải tiến không ngừng cơ chế quản trị, điều hành, chú trọng việc cập nhật, dự báo, quản trị rủi ro để kịp thời đưa ra giải pháp; chủ động linh hoạt trong phát triển sản phẩm, thị trường và khách hàng mới; Tiếp tục hoàn thiện xây dựng Công ty Tân Mỹ thành công viên may

Tiếp tục thực hiện phương thức tạo nguồn vốn linh hoạt, tìm cơ hội phát triển vốn chủ sở hữu, cân đối cơ cấu vốn lưu động nhằm giảm thiểu rủi ro từ chính sách tiền tệ hoặc chính sách tài khóa, cân đối nguồn vốn trong đầu tư mở rộng sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho quá trình phát triển bền vững, lâu dài.

Chiến lược hoạt động (Chương trình 3P)

Con người (PEOPLE):

- **Bộ máy chuyên nghiệp:** củng cố hoàn thiện hệ thống quản lý, điều hành ngày càng chuyên nghiệp với mục tiêu nâng cao năng lực sản xuất, tăng doanh thu, giảm định phí và tiết giảm chi phí vô hình. Đây cũng là một dung thiết yếu để củng cố vị thế của Công ty trong chuỗi cung ứng của khách hàng (giao hàng/chất lượng/giá); Phương châm củng cố là xem trọng nguyên tắc 'làm đúng ngay từ đầu', 'phòng ngừa hơn khắc phục' vì thế cần tăng cường giám sát để đảm bảo các bộ phận tuân thủ theo qui trình, việc thanh tra chỉ để nhắc nhở, khắc phục;
- **Hoạch định nhân lực** mang tính chuyên nghiệp, dài hạn từ cấp quản trị đến các đầu ngành:
 - ⊗ Kỷ cương trong lao động, tự giác tuân thủ các hướng dẫn, qui định, qui trình liên quan trong hệ thống.
 - ⊗ Kỹ năng: sử dụng công cụ làm việc, nhận biết rủi ro và quản lý, phòng ngừa; thực thi trách nhiệm.
 - ⊗ Kiến thức chuyên sâu trên lĩnh vực, công việc phụ trách và cương vị được phân công.
 - ⊗ Tâm huyết với công việc và chí tiến thủ; Có tinh thần trách nhiệm cộng đồng; khả năng làm việc nhóm.

Sản phẩm (Product)

- Chuyển đổi sản phẩm mang tính cạnh tranh cao; phù hợp danh mục ưu đãi thuế quan; phù hợp lợi thế Công ty, hiệu quả cao (kỹ thuật phức tạp; Nguyên phụ liệu cao cấp; công nghệ mới; ...).
- Hợp tác với khách hàng trong việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực thiết kế thời trang bên cạnh việc củng cố và phát huy nguồn nhân lực kỹ thuật, phát triển mẫu sản phẩm của Công ty.
- Thúc đẩy nâng cao năng suất lao động tại các đơn vị sản xuất, đồng thời chuẩn bị các điều kiện cần thiết để chuyển đổi chủng loại sản phẩm theo chiến lược Công ty.
- Rà soát toàn hệ thống quản lý, điều hành kỹ thuật, nghiệp vụ, sản xuất tại các đơn vị để sắp xếp, điều chỉnh, cập nhật qui trình thích hợp với yêu cầu chuyển đổi sản xuất, yêu cầu kiểm soát chất lượng của khách hàng...

Giá cả (Price)

- Chỉ tiêu phấn đấu của Công ty: nếu cùng điều kiện sản xuất thì đảm bảo phù hợp mặt bằng giá thị trường, nhưng vẫn đảm bảo tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng.
- Giải pháp thực hiện:
 - ⊗ Phát huy tối đa nguồn lực, vận hành hệ thống tốt nhất để có năng suất cao nhất, chất lượng tốt nhất và giảm thiểu chi phí ẩn, bên cạnh việc quản lý chặt chẽ chi phí đầu vào.
 - ⊗ Duy trì và củng cố nền tảng sản xuất, tăng năng suất lao động đồng thời tiết giảm định phí.
 - ⊗ Thúc đẩy phát triển phương thức ODM hoặc FOB nâng cao để gia tăng hiệu quả sản xuất, giảm thiểu áp lực cạnh tranh.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

66

Hội đồng quản trị

70

Ban kiểm soát

75

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, B.TGD, BKS

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị và các tiểu ban



Lê Quang Hùng – Chủ tịch



NGUYỄN ÂN



ĐỖ THỊ KIM NHÂN



NGUYỄN HOÀNG GIANG



NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG



THANH THỊ HUỆ



LÂM TỬ THANH

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị và tỷ lệ sở hữu

STT	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Lê Quang Hùng	Chủ tịch HĐQT không điều hành	299.778	2,81%
2	Nguyễn Ân	Phó Chủ tịch HĐQT	259.493	2,44%
3	Đỗ Thị Kim Nhân	Thành viên HĐQT	170.258	1,60%
4	Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên HĐQT	114.100	1,07%
5	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT	17.498	0,16%
6	Thanh Thị Huệ	Thành viên HĐQT không điều hành		
	Cá nhân sở hữu		11.420	0,11%
	Đại diện sở hữu của Công ty TNHH MTV Dệt May Gia Định		1.066.627	10,03%
7	Lâm Tử Thanh	Thành viên HĐQT không điều hành		
	Cá nhân sở hữu		356.428	3,35%
	Đại diện sở hữu của Công ty TNHH Tân Á		397.100	3,73%
	Đại diện sở hữu của Công ty TNHH thương mại Á Châu		397.100	3,73%

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Tiểu ban phát triển chiến lược

- Ông Nguyễn Ân - Phó chủ tịch HĐQT, TGD phụ trách

Tiểu ban đầu tư tài chính

- Ông Lâm Tử Thanh - TV.HĐQT độc lập phụ trách

Tiểu ban kiểm toán nội bộ

- Ông Lê Quang Hùng - Chủ tịch HĐQT phụ trách

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của HĐQT và của Các tiểu ban

Trong năm 2013, HĐQT Công ty tổ chức 07 cuộc họp cụ thể:

STT	Ngày tổ chức	Nội dung
1	12/1/2013	Kết quả hoạt động SXKD năm 2012 và xác định nguồn quỹ thưởng HĐQT
		Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát – Phân bổ quỹ thưởng HĐQT năm 2012
		Thông tin những quy định của UBCKNN liên quan đến Công ty niêm yết – Chủ trương gia hạn thời gian nộp tiền mua cổ phiếu, nếu có
		Chủ trương thuê tư vấn lập Báo cáo thường niên
		Chuẩn bị chủ trương về cán bộ cấp cao nghỉ hưu
		Thay đổi người đại diện Cty TNHH May Tân Mỹ
2	21/02/2013	Phân bổ cổ phiếu không được đặt mua hết và cổ phiếu lẻ của đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trong khoảng thời gian từ 08/01/2013 đến 04/02/2013
3	01/03/2013	Kế hoạch SXKD năm 2013
		Chủ trương đầu tư chiều sâu, tạo lợi thế cạnh tranh khi hội nhập TPP
		Báo cáo hoạt động Cty TNHH May Sài Gòn Xanh và nhiệm vụ năm 2013
		Kết quả phát hành cổ phiếu năm 2012 và xin ý kiến xử lý những tồn đọng
		Nội dung sửa đổi Điều lệ cho phù hợp Nghị định 121/NĐ-CP
		Quan điểm về cán bộ do HĐQT quản lý
4	12/03/2013	Quyết định về triệu tập Đại hội đồng cổ đông năm 2013
4	12/03/2013	Kết quả kinh doanh 2012, Kế hoạch 2013
		Báo cáo phân phối lợi nhuận 2012
		Báo cáo tình hình quản trị 2012
		Báo cáo ban kiểm soát 2012
		Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán
		Tờ trình sửa đổi Điều lệ
5	22/04/2013	Chương trình ĐHĐCĐ thường niên 2012
		Tình hình SXKD quý 1/2013 và dự kiến Kế hoạch SXKD quý 2/2013
		Triển khai công tác quản trị 2013
		Thông tin về phân công Cán bộ điều hành cấp cao trong giai đoạn mới
		Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2013
		Kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông – Nhiệm kỳ III (2014 – 2018)
6	31/07/2013	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013
		Chủ trương sử dụng các mặt của Công
		Báo cáo Kết quả SX.KD 9 tháng đầu năm 2013 và Kế hoạch SX những tháng cuối năm. Đề xuất Kế hoạch SX.KD năm 2014
		Báo cáo tiến độ thực hiện công trình (1) Xưởng 2, Tân Mỹ Công ty và (2) Hà Lam
		Nội dung chuẩn bị ĐHĐCĐ nhiệm kỳ III
		Chủ trương làm việc với cổ đông lớn về ĐHĐCĐ NK III (2014-2018)
7	26/10/2014	

❑ **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: không có.**

❑ **Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:**

Trong năm 2013, Tiểu ban Phát triển Chiến lược phối hợp với các Tiểu ban Đầu tư - Tài chính và Tiểu ban Kiểm toán nội bộ thảo luận, thông qua các vấn đề sau:

- *Đóng góp hoàn chỉnh Báo cáo Quản trị năm 2012 và công tác quản trị năm 2013 của HĐQT trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2013;*
- *Đóng góp Đề cương Báo cáo HĐQT nhiệm kỳ II (2009 – 2013) và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ III (2014 – 2018) của HĐQT trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2014;*
- *Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 121/BTC, gồm sửa đổi 12 điều và bổ sung mới 02 điều;*
- *Thông qua chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 tổ chức vào ngày 28/3/2013;*
- *Thông qua chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 tổ chức vào ngày 12/4/2014;*
- *Chốt danh sách cổ đông trong tháng 04/2013 nhằm chia cổ tức 5% đợt 3 năm 2012 bằng tiền mặt trong tháng 5/2013;*
- *Chốt danh sách cổ đông trong tháng 08/2013 nhằm chia cổ tức 10% đợt 1 năm 2013 bằng tiền mặt trong tháng 9/2013;*
- *Thảo luận chuẩn bị nhân sự cấp cao cho nhiệm kỳ III (4/2014 – 4/2019).*

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát



Lê Thị Chín



Liêu Sanh Thu Cúc



Nguyễn Thị Hồng Liên

Danh sách thành viên Ban kiểm soát và tỷ lệ sở hữu

STT	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Lê Thị Chín	Trưởng BKS	0	0%
2	Liêu Sanh Thu Cúc	Thành viên BKS	10.255	0,1%
3	Nguyễn Thị Hồng Liên	Thành viên BKS	74	0,00%

Đánh giá chung trong nhiệm kỳ II:

Trong nhiệm kỳ 2009 – 2013, Ban kiểm soát đã giám sát chặt chẽ hoạt động của HĐQT, Ban điều hành Công ty trong công tác quản lý và điều hành doanh nghiệp. Cụ thể:

- Giám sát tình hình xây dựng và thực hiện kế hoạch của Ban điều hành.
- Thẩm định báo cáo tài chính định kỳ, kiểm tra việc tuân thủ các chuẩn mực kế toán và chế độ tài chính hiện hành trong công tác hạch toán kế toán.
- Kiểm tra tính tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, cũng như việc chấp hành các quy định của Sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh, các quy định đối với Công ty niêm yết.
- Tham dự tất cả các buổi họp Hội đồng quản trị, tham gia đóng góp ý kiến về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thẩm định và đề xuất chọn Công ty kiểm toán trình ĐHCĐ xem xét mỗi năm.

Hoạt động BKS trong năm 2013:

Trong năm 2013, BKS tổ chức 04 cuộc họp. Cụ thể:

STT	Ngày tổ chức	Nội dung
1	21/05/2013	Họp quý 1/2013 về doanh thu, lãi, lỗ, công nợ Cty TNHH MTV Blue Exchange, Nghị quyết Đại hội ĐCĐTN 2012.
2	28/08/2013	Họp 6 tháng đầu năm về thực hiện doanh thu và công nợ Cty TNHH MTV Blue Exchange.
3	11/09/2013	Kiểm tra thực tế sổ sách tại VP.Cty và Báo cáo tài chính; sổ sách thu chi 6 tháng đầu năm 2013.
4	06/11/2013	Thông báo cho các thành viên về kết quả thực hiện 9 tháng và chuẩn bị báo cáo tổng kết NK II của Ban KS (dự thảo)

Kết quả giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong nhiệm kỳ

Một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh qua các năm (ĐVT: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2012	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	354.254	613.916	865.731	1.059.093	1.229.203
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	261	33	45	99	723
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (C/C DV)	353.993	613.883	865.687	1.058.994	1.228.479
4. Giá vốn bán hàng	273.556	488.360	682.336	890.011	1.062.372
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và C/C DV	80.436	125.523	183.350	168.983	166.108
6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.270	16.287	20.388	17.761	16.049
7. Chi phí tài chính	5.658	10.732	16.605	9.862	13.419
Trong đó : Chi phí lãi vay	1.154	4.798	6.248	7.461	6.651
8. Chi phí bán hàng	13.097	15.329	18.254	17.244	18.633
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	45.812	76.651	118.031	102.073	90.818
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	42.140	39.098	50.849	57.566	59.287
11. Thu nhập khác	253	1.036	1.676	3.949	5.799
12. Chi phí khác	47	77	8	43	15
13. Lợi nhuận khác	206	959	1.668	3.906	5.784
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	42.346	40.057	52.516	61.471	65.071
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	7.552	5.105	9.506	9.700	15.808
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	-	-35
17. Thuế thu nhập phải nộp	-	-	-	9.700	15.806
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	34.795	34.953	43.011	51.771	49.299
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-7.733
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của cty mẹ	34.795	34.953	43.011	51.771	57.032
21. EPS (VNĐ/CP)	3.925	3.943	4.871	5.870	6.124

Theo nhận định của Ban kiểm soát: hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tăng đều mỗi năm, lợi nhuận cũng tăng tương ứng. Cổ tức duy trì và tăng cao hơn nghị quyết ĐHĐCĐ nhiệm kỳ dù trong nhiệm kỳ tăng vốn điều lệ. Nếu lồng trong bối cảnh nền kinh tế hết sức khó khăn thời gian qua thì kết quả hoạt động SXKD của Công ty khá là ấn tượng.

Tóm tắt tình hình tài chính của Công ty (ĐVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2012	2013
A – TỔNG TÀI SẢN	212.955	310.101	396.435	465.842	657.777
I- Tài sản ngắn hạn	121.978	216.012	288.651	339.007	473.642
1/ Tiền và các khoản tương đương tiền	26.687	26.305	17.022	30.673	52.374
2/ Các khoản Đầu tư tài chính ngắn hạn	10	310	-	-	-
3/ Các khoản phải thu	38.771	91.773	110.676	129.081	165.031
4/ Hàng tồn kho	54.256	91.648	156.039	172.215	240.777
5/ Tài sản ngắn hạn khác	2.254	5.977	4.914	7.038	15.459
II- Tài sản dài hạn	90.977	94.089	107.784	126.835	184.136
1/ Các khoản phải thu DH	26	26	26	26	26
2/ Tài sản cố định	71.361	74.135	86.328	105.948	135.971
3/ Các khoản đầu tư tchính DH	18.345	18.354	18.700	17.815	17.815
4/ Tài sản dài hạn khác	1.246	1.574	2.730	3.047	30.324
B- TỔNG NGUỒN VỐN	212.955	310.101	396.435	465.842	657.777
I-Nợ Phải Trả	88.717	175.780	234.115	288.779	421.983
1.Nợ ngắn hạn	88.277	175.189	232.351	288.779	421.983
2.Nợ dài hạn	440	591	1.763	-	-
II- Nguồn vốn chủ sở hữu	124.237	134.321	162.320	177.063	212.561
1.Vốn chủ sở hữu	124.237	134.321	162.320	177.063	212.561
2. Lợi ích cổ đông thiểu số					23.233

Theo ý kiến của Ban kiểm soát, Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2013 là lành mạnh và ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh và khả năng thanh toán của công ty. Ban kiểm soát chúng tôi cũng thống nhất với ý kiến của Công Ty TNHH Kiểm Toán Và Tư Vấn (A&C) là báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại May Sài Gòn vào ngày 31/12/2013 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính vào cùng ngày nêu trên phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan .

❑ **Kết quả giám sát thành viên HĐQT, ban Tổng giám đốc:**

Trong qua trình giám sát, Ban kiểm soát ghi nhận:

- HĐQT đã chỉ đạo chặt chẽ Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm hoàn thành tốt các chỉ tiêu cơ bản mà ĐHĐCĐ giao. HĐQT đã tiến hành điều đặn các cuộc họp định kỳ theo quy định để triển khai công tác chỉ đạo và xây dựng định hướng phát triển sản xuất kinh doanh một cách tốt nhất. Ngay từ giữa nhiệm kỳ II, HĐQT đã nhận định những thách thức cũng như cơ hội từ diễn biến kinh tế thế giới cũng như tại Việt Nam để đưa ra chủ trương tái cơ cấu hoạt động SXKD của Công ty nhằm tạo lợi thế cạnh tranh và củng cố vị thế của Công ty trong chuỗi sx tiêu thụ của các khách hàng truyền thống. Và định hướng này đã cụ thể hóa hơn nữa khi dự thảo chiến lược phát triển Công ty trong 5 năm tới.
- Công tác hạch toán kế toán Công ty đã tuân thủ đúng chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Thực hiện chế độ báo cáo tài chính, công bố thông tin tài chính định kỳ với UBCK Nhà Nước và SGDCK TP.HCM. Trong quản trị điều hành đã linh hoạt trong các phương thức giao dịch nên tạo nguồn vốn ổn định, chi phí ưu đãi, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính từ năm 2009 đến 2013 đã phản ánh trung thực hợp lý tình hình tài chính của Công ty, cũng như kết quả kinh doanh và luồng luân chuyển tiền tệ. Ngoài ra không có sai sót trọng yếu nào xảy ra trong suốt nhiệm kỳ về công tác hạch toán kế toán.
- Hoạt động đầu tư ra ngoài chưa mang lại hiệu quả cao do tình hình thị trường có nhiều biến động, thị trường chứng khoán chưa khởi sắc. Và do HĐQT 'ngừng' đúng lúc việc đầu tư tài chính cũng như bất động sản, tập trung cho hoạt động sản xuất nên giá trị đầu tư cũng không lớn.
- Trong nhiệm kỳ vừa qua, Ban kiểm soát đánh giá cao những cố gắng của HĐQT và Ban điều hành trong việc tổ chức sản xuất kinh doanh để đưa doanh thu và lợi nhuận mỗi năm đều tăng cao.

❑ **Đánh giá sự phối hợp giữa BKS với HĐQT, giữa BKS và Ban điều hành, giữa BKS và các cấp quản lý khác:**

- Trong suốt nhiệm kỳ hoạt động giám sát, Ban Kiểm soát đã được HĐQT và Ban điều hành tôn trọng vai trò giám sát của Ban kiểm soát, tạo mọi điều kiện thuận lợi để BKS tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty khi cần thiết.
- Hoạt động của BKS, HĐQT, Ban điều hành và quản lý các cấp đã phối hợp chặt chẽ, cởi mở, đoàn kết trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành của Luật doanh nghiệp, Điều lệ và các Quy định, quy chế nội bộ của Công ty.

❑ **Các kiến nghị:**

- Tiếp tục phát huy truyền thống sản xuất kinh doanh của công ty.
- Tăng cường hơn nữa việc kiểm soát phòng chống rủi ro, đặc biệt về công nợ bán hàng.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD và BKS

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

+ Nguyên tắc chi trả:

- Mức thù lao của từng thành viên HĐQT, B.TGD và BKS được chi trả theo hệ số áp dụng đối với từng vị trí;
- Mức thưởng căn cứ trên kết quả đạt và/hoặc vượt kế hoạch đề ra.

+ Thù lao, tiền thưởng đã thực chi trong các năm từ 2009-2013

Chi tiết	2009	2010	2011	2012	2013
Thù lao HĐQT và BKS	612.631.489	634.756.014	848.801.698	1.028.685.298	1.139.929.453
Thưởng HĐQT, Tổng giám đốc, và Cán bộ chủ chốt	906.710.211	1.096.646.048	1.795.206.791	2.800.797.083	2.883.338.251
<i>Trong đó:</i>					
Thưởng do hoàn thành kế hoạch	612.631.489	634.756.014	1.273.202.547	2.057.370.595	1.877.539.342
Thưởng do vượt kế hoạch	294.078.722	461.890.034	522.004.244	743.426.488	1.005.798.909

ĐVT: VNĐ

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ (Tính đến 24/02/2014)

STT	Họ tên	Chức vụ	Số cổ phiếu đầu kỳ		Số cổ phiếu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	
1	Lê Quang Hùng	Chủ tịch HĐQT	207.324	2,34%	299.778	2,81%	Mua đầu tư
2	Nguyễn Ân	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	206.728	2,33%	259.493	2,44%	Mua đầu tư
3	Đỗ Thị Kim Nhân	TV.HĐQT kiêm PTGD	132.365	1,49%	170.258	1,60%	Mua đầu tư
4	Nguyễn Hoàng Giang	TV.HĐQT kiêm PTGD	90.084	1,02%	114.100	1,07%	Mua đầu tư
5	Nguyễn Thị Thu Hương	TV.HĐQT kiêm PTGD	5.065	0,06%	17.498	0,16%	Mua đầu tư
6	Thanh Thị Huệ	TV.HĐQT	0	-	11.420	0,11%	Mua đầu tư
7	Lâm Tử Thanh	TV.HĐQT	155.140	1,75%	356.428	3,35%	Mua đầu tư
8	Liêu Sanh Thu Cúc	TV.BKS	8.546	0,10%	10.255	0,1%	Mua đầu tư
9	Nguyễn Thị Hồng Liên	TV.BKS	62	0,00%	74	0,00%	Mua đầu tư
10	Nguyễn Minh Hằng	Kế toán trưởng	1.879	0,02%	8.254	0,08%	Mua đầu tư

Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông lớn (Tính đến 24/02/2014)

STT	Họ tên	Số cổ phiếu đầu kỳ		Số cổ phiếu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm
		Số cổ phiếu	%Vốn điều lệ	Số cổ phiếu	%Vốn điều lệ	
1	Lâm Quang Vinh	1.115.644	12,58%	816.150	7,67%	Bán
2	Lâm Quang Thái	1.046.940	11,80%	1.748.288	16,44%	Mua

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty sản xuất xuất nhập khẩu may Sài Gòn theo Quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 05 tháng 5 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300742387, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 01 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 12 tháng 3 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 18 tháng 4 năm 2013:

Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước (Công ty TNHH một thành viên dệt may Gia Định)	1.066.627	10.666.270.000	10,03
Các cổ đông khác	9.565.804	95.658.040.000	89,97
Cộng	10.632.431	106.324.310.000	100,00

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 22 tháng 12 năm 2006 với mã chứng khoán là GMC.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-8) 398 44 822
Fax : (84-8) 398 44 746
E-mail : gmsg@hcm.fpt.vn
Mã số thuế : 0300742387

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp may An Nhơn	252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp may Bình Tiên	55E Minh Phụng, phường 5, quận 6, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp may An Phú	14/5 ấp Chánh 2, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp may Tân Phú	333 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp giặt Bình Chánh	Lô H 38C đường số 6 Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: môi giới thương mại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị ngành may;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chỉ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: đầu tư kinh doanh siêu thị và dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng; kinh doanh nhà; cho thuê nhà xưởng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: kinh doanh nguyên phụ liệu phục vụ ngành may;

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: công nghiệp may, sản phẩm chính: quần áo may sẵn các loại;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: tư vấn quản lý kinh doanh; kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng xuất khẩu, nhập khẩu;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Chi tiết: công nghiệp dệt len các loại.
- Hoàn thiện sản phẩm dệt. Chi tiết: dịch vụ giặt, tẩy (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất vải dệt thoi. Chi tiết: công nghiệp dệt và các loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: dịch vụ vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh.

Công ty con và Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH may Tân Mỹ	Cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp Hắc Dịch, ấp Trảng Cát, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4904000149 ngày 29 tháng 8 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp	100,00%
Công ty TNHH may Sài Gòn Xanh	332 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311908926 ngày 03 tháng 8 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp	51%
Công ty cổ phần Phú Mỹ	Cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp Hắc Dịch, ấp Trảng Cát, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000177 ngày 13 tháng 7 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp	32,47%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Trong năm, Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 88.685.710.000 VND lên 106.324.310.000 VND và đã nhận được Quyết định số 83/2013/QĐ-SGDHCM ngày 21 tháng 3 năm 2013 của Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh về việc chấp thuận cho Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn niêm yết bổ sung 1.763.860 cổ phiếu.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 40).

Trong năm, Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn đã phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28 tháng 3 năm 2013 như sau:

- Chia cổ tức (25% vốn điều lệ, Công ty đã tạm chia 10% vào năm trước)	14.106.088.500 VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính	974.880.104 VND
- Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	1.028.685.298 VND
- Trích thưởng Hội đồng quản trị	2.800.797.083 VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển	9.152.411.383 VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	13.728.617.075 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 01 năm 2014 của Hội đồng quản trị, Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn đã tạm chia cổ tức đợt 2 năm 2013 với tỷ lệ 10%.

Ngoài sự kiện nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn khẳng định không có sự kiện nào khác xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Quang Hùng	Chủ tịch	31 tháng 12 năm 2003	-
Ông Nguyễn Ân	Phó Chủ tịch	31 tháng 12 năm 2003	-
Bà Đỗ Thị Kim Nhân	Thành viên	31 tháng 12 năm 2003	-
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên	31 tháng 12 năm 2003	-
Ông Lâm Từ Thanh	Thành viên	15 tháng 4 năm 2009	-
Bà Thanh Thị Huệ	Thành viên	15 tháng 4 năm 2009	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	04 tháng 8 năm 2010	-

Ban kiểm soát

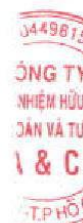
Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lê Thị Chín	Trưởng ban	15 tháng 4 năm 2009	-
Bà Liêu Sanh Thu Cúc	Thành viên	15 tháng 4 năm 2009	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Thành viên	15 tháng 4 năm 2009	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ân	Tổng Giám đốc	27 tháng 01 năm 2004	-
Bà Đỗ Thị Kim Nhân	Phó Tổng Giám đốc	12 tháng 4 năm 2010	-
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Tổng Giám đốc	12 tháng 4 năm 2010	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	12 tháng 4 năm 2010	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất – thương mại May Sài Gòn chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất – thương mại May Sài Gòn phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần sản xuất – thương mại May Sài Gòn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất – thương mại May Sài Gòn cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần sản xuất – thương mại May Sài Gòn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Lê Quang Hùng
Chủ tịch

Ngày 20 tháng 3 năm 2014





Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0208/2014/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh số 1.5 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất) được lập ngày 20 tháng 02 năm 2014, từ trang 08 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2013-008-1



Lê Thị Thu Nga - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1182-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		473.641.577.297	339.006.660.784
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	52.374.491.958	30.672.923.993
1. Tiền	111		52.374.491.958	30.672.923.993
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		165.030.757.499	129.080.518.130
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	143.372.114.856	102.663.680.273
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	18.610.312.225	19.203.514.133
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	3.048.330.418	7.213.323.724
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		240.776.845.919	172.215.075.205
1. Hàng tồn kho	141	V.5	240.776.845.919	172.215.075.205
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.459.481.921	7.038.143.456
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		38.400.000	67.396.372
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.887.086.422	6.369.951.736
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.18	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	1.533.995.499	600.795.348

449
NG
HIỆM
AN VÀ
&
PV

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		184.135.660.110	126.834.941.515
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		25.728.361	25.728.361
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		25.728.361	25.728.361
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		135.971.161.424	105.948.009.889
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	122.011.200.583	92.802.376.559
<i>Nguyên giá</i>	222		219.192.189.652	191.457.148.131
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(97.180.989.069)	(98.654.771.572)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	125.654.546	19.672.778
<i>Nguyên giá</i>	228		173.320.965	43.132.783
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(47.666.419)	(23.460.005)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	13.834.306.295	13.125.960.552
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		17.814.505.000	17.814.505.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	4.341.000.000	4.341.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	17.289.920.000	17.289.920.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.12	(3.816.415.000)	(3.816.415.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		30.324.265.325	3.046.698.265
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	29.983.884.520	2.790.896.318
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		35.044.805	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.14	305.336.000	255.801.947
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		657.777.237.407	465.841.602.299

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		421.982.763.463	288.778.850.634
I. Nợ ngắn hạn	310		421.982.763.463	288.778.850.634
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	214.002.154.665	138.135.013.536
2. Phải trả người bán	312	V.16	91.909.608.062	64.090.220.336
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	5.960.310.374	2.959.922.077
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	11.863.119.135	3.950.730.255
5. Phải trả người lao động	315	V.19	83.106.997.102	72.520.774.567
6. Chi phí phải trả	316	V.20	4.868.667.823	2.635.990.809
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	700.867.358	312.924.704
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	9.571.038.944	4.173.274.350
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		212.561.487.683	177.062.751.665
I. Vốn chủ sở hữu	410		212.561.487.683	177.062.751.665
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.23	106.324.310.000	88.685.710.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	9.178.322.370	5.755.652.370
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.23	(863.138.686)	(863.138.686)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.23	(8.058.000)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.23	41.286.294.154	32.133.882.771
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.23	8.868.571.000	7.893.690.896
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.23	47.775.186.845	43.456.954.314
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.24	23.232.986.261	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		657.777.237.407	465.841.602.299

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

10

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

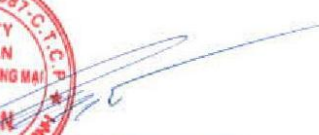
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		826.637.808	11.195.477.182
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		9.901.754.000	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		2.151.140,25	1.074.334,41
Euro (EUR)		3.426,45	3.440,57
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2014


Phạm Thị Hà Phương
Người lập biểu


Nguyễn Minh Hằng
Kế toán trưởng




Nguyễn Ân
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

11

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.229.202.727.908	1.059.093.250.850
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	723.257.271	99.293.261
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.228.479.470.637	1.058.993.957.589
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.062.371.948.608	890.011.097.253
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		166.107.522.029	168.982.860.336
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	16.049.327.930	17.760.598.541
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	13.418.629.972	9.861.602.701
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.651.214.019	7.460.742.414
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	18.633.069.776	17.243.587.633
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	90.818.140.095	102.072.727.428
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		59.287.010.116	57.565.541.115
11. Thu nhập khác	31	VI.7	5.799.467.667	3.948.886.659
12. Chi phí khác	32		15.416.664	43.371.399
13. Lợi nhuận khác	40		5.784.051.003	3.905.515.260
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		65.071.061.119	61.471.056.375
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	15.807.562.206	9.700.363.773
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(35.044.805)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		49.298.543.718	51.770.692.602
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(7.732.973.739)	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		57.031.517.457	51.770.692.602
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL9	6.124	5.870


Phạm Thị Hà Phương
Người lập biểu


Nguyễn Minh Hằng
Kế toán trưởng


Nguyễn An
Tổng Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		65.071.061.119	61.471.056.375
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.7, V.8	14.972.144.612	13.258.989.960
- Các khoản dự phòng	03		-	885.315.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4	144.727.594	413.474.704
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7	(2.453.435.654)	(920.964.728)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	6.651.214.019	7.460.742.414
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		84.385.711.690	82.568.613.725
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(50.119.833.614)	(14.092.276.798)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(68.561.770.714)	(16.176.411.525)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		79.923.857.925	(720.129.309)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(13.542.650.490)	(368.646.092)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(6.651.214.019)	(7.588.541.519)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18	(8.597.094.704)	(11.635.611.318)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.22, V.23	(12.503.329.345)	(10.891.502.661)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.333.676.729	21.095.494.503
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7, V.8, V.9, VII	(57.288.941.439)	(32.217.720.954)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	1.834.981.818	100.272.728
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	633.870.500	820.692.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(54.820.089.121)	(31.296.756.226)

100449
CÔNG
CH NHIỆM
TOÁN V
A &
THH-T.F

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

13

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.23	21.061.270.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15	754.518.700.828	530.259.725.109
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15	(678.723.524.910)	(484.365.840.444)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.23	(24.684.899.500)	(22.045.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		72.171.546.418	23.847.984.665
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		21.685.134.026	13.646.722.942
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	30.672.923.993	17.021.747.606
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		16.433.939	4.453.445
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	52.374.491.958	30.672.923.993

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2014


Phạm Thị Hà Phương
Người lập biểu


Nguyễn Minh Hằng
Kế toán trưởng


Nguyễn Ân
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. **Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : May công nghiệp; kinh doanh dịch vụ giặt tẩy.
4. **Tổng số các công ty con** : 02
Trong đó:
 Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02

5. Danh sách công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH may Sài Gòn Xanh	332 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	51%	51%
Công ty TNHH may Tân Mỹ	Cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp Hắc Dịch, ấp Trảng Cát, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.	100%	100%

6. Danh sách các công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lý do</i>
Công ty cổ phần Phú Mỹ	Cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp Hắc Dịch, ấp Trảng Cát, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.	Số liệu ảnh hưởng không đáng kể

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Tập đoàn có 3.797 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 3.496 nhân viên).

8. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 88.685.710.000 VND lên 106.324.310.000 VND và đã nhận được Quyết định số 83/2013/QĐ-SGDHCM ngày 21 tháng 3 năm 2013 của Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh về việc chấp thuận cho Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn niêm yết bổ sung 1.763.860 cổ phiếu.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

15

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

16

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lương, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nằm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

17

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lương, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

18

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

10. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

19

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

13. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa

Các khoản chi phí phát sinh để sửa chữa xường được phân bổ vào chi phí trong thời gian từ 02 năm đến 07 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất các công ty trong Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê quyền sử dụng đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

15. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải trích trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Tập đoàn từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 các công ty trong Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Tập đoàn không phải trích trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

20



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do các công ty trong Tập đoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	(*)	
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	5%	10% vốn điều lệ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	(*)	

(*) Các quỹ này được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

21

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.080 VND/USD
: 28.956 VND/EUR

31/12/2012 : 20.800 VND/USD
: 27.301 VND/EUR

21. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi các công ty trong Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

23. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chỉ trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

23

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

25. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	805.202.594	291.282.210
Tiền gửi ngân hàng	51.569.289.364	30.381.641.783
Cộng	52.374.491.958	30.672.923.993

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khách hàng trong nước	56.658.638.494	41.283.473.697
Các khách hàng nước ngoài	86.713.476.362	61.380.206.576
Cộng	143.372.114.856	102.663.680.273

Một số hàng tồn kho và các khoản phải thu trị giá USD 2,000,000 đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp trong nước	17.031.308.080	17.155.410.725
Các nhà cung cấp nước ngoài	1.579.004.145	2.048.103.408
Cộng	18.610.312.225	19.203.514.133

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

24

THUYẾT MINH
TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu tiền ứng thuê đất – Công ty cổ phần		
Phú Mỹ	-	3.970.052.514
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	2.851.403.830	1.736.906.419
Phải thu khác	196.926.588	1.506.364.791
Cộng	3.048.330.418	7.213.323.724

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	155.888.373.444	83.960.625.221
Công cụ, dụng cụ	2.535.702.153	1.161.091.965
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.258.802.756	1.455.101.457
Thành phẩm	80.308.211.152	79.197.549.366
Hàng hóa	785.756.414	6.440.707.196
Cộng	240.776.845.919	172.215.075.205

Một số hàng tồn kho và các khoản phải thu trị giá USD 2,000,000 đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

6. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	39.620.507	39.620.507
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.168.693.084	298.142.400
Tạm ứng	325.681.908	263.032.441
Cộng	1.533.995.499	600.795.348

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	89.177.820.345	86.578.852.512	8.104.106.844	7.596.368.430	191.457.148.131
Tăng trong năm	28.724.048.652	23.679.053.942	1.401.575.546	2.699.388.889	56.504.067.029
Mua sắm mới	22.594.279.299	23.679.053.942	1.401.575.546	2.699.388.889	50.374.297.676
Xây dựng cơ bản chuyển sang	6.129.769.353	-	-	-	6.129.769.353
Giảm trong năm	(1.900.930.748)	(24.133.194.948)	(905.202.675)	(1.829.697.137)	(28.769.025.508)
Thanh lý nhượng bán	(1.846.791.648)	(4.207.363.450)	(886.667.720)	(1.290.453.946)	(8.231.276.764)
Giảm khác (*)	(54.139.100)	(19.925.831.498)	(18.534.955)	(539.243.191)	(20.537.748.744)
Số cuối năm	116.000.938.249	86.124.711.506	8.600.479.715	8.466.060.182	219.192.189.652
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	20.430.290.649	30.641.675.081	2.554.804.139	2.756.120.333	56.382.890.202
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	36.022.657.072	53.624.641.466	4.629.725.277	4.377.747.757	98.654.771.572
Khấu hao trong năm	2.558.010.942	10.085.667.601	921.973.238	1.377.102.061	14.942.753.842
Giảm trong năm	(1.847.191.648)	(12.354.950.248)	(888.727.160)	(1.325.667.289)	(16.416.536.345)
Thanh lý nhượng bán	(1.846.791.648)	(4.203.863.450)	(886.667.720)	(1.278.537.282)	(8.215.860.100)
Giảm khác (*)	(400.000)	(8.151.086.798)	(2.059.440)	(47.130.007)	(8.200.676.245)
Số cuối năm	36.733.476.366	51.355.358.819	4.662.971.355	4.429.182.529	97.180.989.069

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

25

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	53.155.163.273	32.954.211.046	3.474.381.567	3.218.620.673	92.802.376.559
Số cuối năm	79.267.461.883	34.769.352.687	3.937.508.360	4.036.877.653	122.011.200.583
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

(*) Điều chỉnh các tài sản không thỏa điều kiện là tài sản cố định sang chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

8. Tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	43.132.783	23.460.005	19.672.778
Tăng trong năm	156.017.382	29.390.770	
Giảm trong năm (*)	(25.829.200)	(5.184.356)	
Số cuối năm	173.320.965	47.666.419	125.654.546

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 22.302.783 VND.

(*) Điều chỉnh các tài sản không thỏa điều kiện là tài sản cố định sang chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Kết chuyển vào chi phí trả trước dài hạn	Số cuối năm
Tiền đất tại 213 Hồng Bàng	10.020.000.000	-	-	-	10.020.000.000
Chi phí thực hiện dự án Xí nghiệp may Tân Mỹ tại Cụm công nghiệp Hắc Dịch	1.843.383.000	460.776.661	-	-	2.304.159.661
Công trình xưởng Quảng Nam	224.336.963	1.117.735.063	-	-	1.342.072.026
Chi phí sửa chữa xí nghiệp và văn phòng	1.038.240.589	6.523.227.369	(6.129.769.353)	(1.263.623.997)	168.074.608
Cộng	13.125.960.552	8.101.739.093	(6.129.769.353)	(1.263.623.997)	13.834.306.295

10. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Phú Mỹ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000177 ngày 13 tháng 7 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty cổ phần Phú Mỹ 4.341.000.000 VND, tương đương 32,47% vốn điều lệ.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

26

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư cổ phiếu. Chi tiết bao gồm:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần da giày Sagoda	98.155	1.919.150.000	98.155	1.919.150.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gia Định	843.950	10.127.400.000	843.950	10.127.400.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	16.275	1.245.320.000	16.275	1.245.320.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á	196.855	3.998.050.000	196.855	3.998.050.000
Cộng		17.289.920.000		17.289.920.000

12. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn. Chi tiết bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	802.640.000	802.640.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á	3.013.775.000	3.013.775.000
Cộng	3.816.415.000	3.816.415.000

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	1.698.102.564	26.894.792.853	(9.646.682.160)	18.946.213.257
Chi phí sửa chữa	1.092.793.754	1.066.765.708	(898.563.313)	1.260.996.149
Tiền thuê đất	-	10.011.315.314	(234.640.200)	9.776.675.114
Cộng	2.790.896.318	37.972.873.875	(10.779.885.673)	29.983.884.520

14. Tài sản dài hạn khác

Khoản ký quỹ thuê nhà và ký quỹ điện thoại.

15. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(a)	118.213.787.457	70.609.882.720
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ^(b)	53.714.433.473	65.408.522.192
Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) ^(a)	31.219.067.465	1.398.867.600
Ngân hàng First Commercial - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(a)	10.854.866.270	717.741.024
Cộng	214.002.154.665	138.135.013.536

^(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) và Ngân hàng First Commercial – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động.

^(b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho và các khoản phải thu trị giá USD 2,000,000.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

27

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	138.135.013.536
Số tiền vay phát sinh trong năm	754.518.700.828
Số tiền vay đã trả trong năm	(678.723.524.910)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	71.965.211
Số cuối năm	214.002.154.665

16. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp trong nước	47.163.009.015	23.223.265.339
Các nhà cung cấp nước ngoài	44.746.599.047	40.866.954.997
Cộng	91.909.608.062	64.090.220.336

17. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khách hàng trong nước	92.378.493	92.419.101
Các khách hàng nước ngoài	5.867.931.881	2.867.502.976
Cộng	5.960.310.374	2.959.922.077

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	658.205.446	6.187.933.791	(6.647.136.831)	199.002.406
Thuế xuất, nhập khẩu	-	534.504.274	(534.504.274)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.193.826.325	15.807.562.206	(8.597.094.704)	9.404.293.827
Thuế thu nhập cá nhân	1.027.280.210	5.616.340.512	(4.426.127.375)	2.217.493.347
Thuế tài nguyên	-	6.926.400	(6.926.400)	-
Tiền thuế đất	-	950.246.919	(950.246.919)	-
Thuế môn bài	-	16.000.000	(16.000.000)	-
Thuế nhà thầu	71.418.274	845.324.582	(874.413.301)	42.329.555
Cộng	3.950.730.255	29.964.838.684	(22.052.449.804)	11.863.119.135

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm kể từ khi kinh doanh có lãi (năm 2004) theo Công văn số 1467/CT-TTHT ngày 11 tháng 3 năm 2010 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh.
- Đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty TNHH may Tân Mỹ: Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 49121000077 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 04 tháng 02 năm 2008, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi là 15% cho 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động. Ngoài ra, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.
- Công ty TNHH may Sài Gòn Xanh: thuế suất 25% cho tất cả các hoạt động.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

28

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tại các công ty trong Tập đoàn như sau

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn	15.540.758.590	9.700.363.773
Công ty TNHH may Sài Gòn Xanh	-	-
Công ty TNHH may Tân Mỹ	266.803.616	-
Cộng	15.807.562.206	9.700.363.773

Thuế tài nguyên

Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước sử dụng chung phục vụ sản xuất với mức 2.000 VND/m³.

Tiền thuê đất

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất đối với:

- Diện tích 13.765,9 m² đất đang sử dụng với mức 33.750 VND/m²/năm để làm văn phòng và xưởng may tại 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp theo Hợp đồng thuê đất số 1186/HĐTD-TNMT-ĐKKTD ngày 16 tháng 02 năm 2006 ký với Sở Tài nguyên Môi trường TP. Hồ Chí Minh.
- Diện tích 766,8 m² đất đang sử dụng với mức 129.600 VND/m²/năm để làm xưởng may công nghiệp tại 55E Minh Phụng, phường 5, quận 6 theo Hợp đồng thuê đất số 5570/HĐTD-TNMT-ĐKKTD ngày 16 tháng 8 năm 2005 ký với Sở Tài nguyên Môi trường TP. Hồ Chí Minh. Thời hạn thuê đất 05 năm kể từ ngày 24 tháng 6 năm 2005.
- Diện tích 15.033 m² đất đang sử dụng với mức 1.521 VND/m²/năm để xây dựng nhà xưởng sản xuất tại xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn (cũ) theo Thông báo nộp tiền thuê đất số 21/TB-TBạ ngày 17 tháng 3 năm 2012 của Chi cục thuế Hóc Môn. Thời hạn thuê đất 20 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 1996.
- Diện tích 1.647 m² đất đang sử dụng với mức 54.000 VND/m²/năm để làm văn phòng và xưởng may mặc tại 332 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú theo Hợp đồng thuê đất số 6182/HĐTD-TNMT-ĐKKTD ngày 01 tháng 8 năm 2008 ký với Sở Tài nguyên Môi trường TP. Hồ Chí Minh.
- Diện tích 1.873,6 m² đất tại 213 Hồng Bàng, phường 11, quận 5 đang sử dụng với mức 141.000 VND/m²/năm theo Thông báo nộp tiền thuê đất số 520/TB.CCT-TP 11,12,15 ngày 19 tháng 3 năm 2013 của Chi cục thuế quận 5.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

19. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương, thưởng	44.306.997.102	37.420.774.567
Các khoản khác	38.800.000.000	35.100.000.000
Cộng	83.106.997.102	72.520.774.567

20. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phải trả hàng FOB	1.462.632.469	14.743.747
Chi phí phải trả hàng nội địa	6.808.800	203.812.060
Tiền lương phép	3.047.952.610	2.417.435.002
Phải trả khác	351.273.944	-
Cộng	4.868.667.823	2.635.990.809

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

29

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	-	204.199.108
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	668.667.358	108.725.596
Phải trả khác	32.200.000	-
Cộng	700.867.358	312.924.704

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	4.152.574.350
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	13.728.617.075
Chi quỹ	(8.310.152.481)
Số cuối năm	9.571.038.944

23. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 41.

Cổ tức

Trong năm, Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn đã chi trả cổ tức như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức năm trước (15% mệnh giá)	14.106.088.500	13.228.966.500
Tạm ứng cổ tức (10% mệnh giá)	10.578.811.000	8.816.933.500
Cộng	24.684.899.500	22.045.900.000

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.632.431	8.868.571
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.632.431	8.868.571
• Cổ phiếu phổ thông	10.632.431	8.868.571
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	49.260	49.260
• Cổ phiếu phổ thông	49.260	49.260
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.583.171	8.819.311
• Cổ phiếu phổ thông	10.583.171	8.819.311
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

Số đầu năm	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	(7.732.973.739)
Tăng do góp vốn trong năm	30.965.960.000
Số cuối năm	23.232.986.261

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

30

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lương, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.229.202.727.908	1.059.093.250.850
- Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	1.227.857.949.816	1.055.496.606.388
+ Doanh thu xuất khẩu FOB	1.136.114.854.721	921.814.691.454
+ Doanh thu xuất khẩu CMP	4.099.969.573	11.529.611.832
+ Doanh thu nội địa	87.643.125.522	122.152.303.102
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.344.778.092	3.596.644.462
Các khoản giảm trừ doanh thu	(723.257.271)	(99.293.261)
- Giảm giá hàng bán	(711.584.641)	(99.293.261)
- Hàng bán bị trả lại	(11.672.630)	-
Doanh thu thuần	1.228.479.470.637	1.058.993.957.589
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.227.134.692.545	1.055.400.977.665
+ Doanh thu thuần xuất khẩu FOB	1.135.843.199.276	921.761.175.157
+ Doanh thu thuần xuất khẩu CMP	4.059.979.813	11.529.611.832
+ Doanh thu thuần nội địa	87.231.513.456	122.110.190.676
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	1.344.778.092	3.592.979.924

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của thành phẩm và hàng hóa đã tiêu thụ.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	161.206.836	99.589.141
Lãi thu được từ hoạt động liên kết với Bệnh viện đại học Y Dược	7.560.000.000	8.755.950.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	633.870.500	820.692.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	145.460.550	245.211.043
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.544.039.805	7.828.850.788
Chiết khấu do thanh toán trước hạn	4.750.239	10.305.569
Cộng	16.049.327.930	17.760.598.541

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.651.214.019	7.460.742.414
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	290.188.144	856.859.540
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.477.227.809	658.685.747
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	885.315.000
Cộng	13.418.629.972	9.861.602.701

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

31

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.324.063.290	3.503.175.494
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.908.308.326	13.396.524.873
Chi phí khác	400.698.160	343.887.266
Cộng	18.633.069.776	17.243.587.633
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	69.948.187.121	83.276.765.150
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.829.587.437	3.203.318.381
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.676.007.465	5.244.717.882
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.481.897.121	3.038.041.279
Chi phí khác	5.882.460.951	7.309.884.736
Cộng	90.818.140.095	102.072.727.428
7. Thu nhập khác		
	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.834.981.818	100.272.728
Thu nhập từ các khoản không phải thanh toán do hàng không đạt chất lượng	3.818.868.285	2.548.476.733
Thu nhập do kết chuyển từ quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	1.226.175.028
Thu nhập khác	145.617.564	73.962.170
Cộng	5.799.467.667	3.948.886.659
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	57.031.517.457	51.770.692.602
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	57.031.517.457	51.770.692.602
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	9.312.225	8.819.311
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.124	5.870
(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:		
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.819.311	8.819.311
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 21 tháng 3 năm 2013	492.914	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.312.225	8.819.311

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

32

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	728.915.221.885	665.756.268.882
Chi phí nhân công	289.516.513.646	290.474.803.960
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.972.144.612	13.258.989.960
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.603.194.751	32.243.614.151
Chi phí khác	18.364.873.714	12.754.237.904
Cộng	1.062.371.948.608	1.014.487.914.857

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các công nợ phải thu, phải trả liên quan đến tài sản cố định như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	3.746.411.126	8.096.213.080
Trả trước cho người bán để đầu tư mua sắm tài sản cố định	12.866.899.070	18.559.813.736

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 01 năm 2014 của Hội đồng quản trị, Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn đã tạm chia cổ tức đợt 2 năm 2013 với tỷ lệ 10%.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của các công ty trong Tập đoàn và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	4.844.678.132	3.491.290.413
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	88.285.170	96.007.240
Phụ cấp, thù lao Hội đồng quản trị	1.912.598.377	666.245.438
Cộng	6.845.561.679	4.253.543.091

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Phú Mỹ	Công ty liên kết
Công ty TNHH một thành viên Blue Exchange	Công ty có chủ sở hữu là cổ đông góp vốn
Công ty TNHH con đường xanh Quảng Nam	Công ty có chủ sở hữu là cổ đông góp vốn
Công ty TNHH B&O	Công ty có chủ sở hữu là cổ đông góp vốn

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

33

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần Phú Mỹ		
Tiền thuê quyền sử dụng đất	10.011.315.314	-
Tiền đầu tư trạm xử lý nước thải	371.179.644	300.000.000
Công ty TNHH một thành viên Blue Exchange		
Mua hàng	2.595.669.240	-
Bán hàng	66.061.324.829	89.063.837.182
Công ty TNHH con đường xanh Quảng Nam		
Phí gia công	-	108.909.900
Bán phụ liệu	-	3.450.432
Bán hàng	3.454.103.965	930.408.904
Công ty TNHH B&O		
Mua nguyên vật liệu, gia công	2.951.087.958	4.012.011.207
Bán hàng	7.616.400.461	35.558.819.145

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần Phú Mỹ		
Ứng trước tiền thi công công trình nhà lưu trú cho công nhân Tân Mỹ	1.837.626.437	-
Cho mượn tiền để xây dựng trạm xử lý nước thải	-	1.562.831.120
Phải thu lại khoản đã ứng tiền thuê đất tại cụm công nghiệp Hắc Dịch	-	3.970.052.514
Công ty TNHH một thành viên Blue Exchange		
Tiền hàng phải thu	51.759.984.613	23.607.554.375
Công ty TNHH con đường xanh Quảng Nam		
Tiền hàng phải thu	2.347.145.362	303.105.000
Công ty TNHH B&O		
Tiền hàng phải thu	334.380.000	16.903.653.911
Cộng nợ phải thu	56.279.136.412	46.347.196.920
Công ty cổ phần Phú Mỹ		
Tiền chuyển nhượng công trình xây dựng	-	718.750.000
Tiền thuê quyền sử dụng đất	4.341.000.000	-
Công ty TNHH một thành viên Blue Exchange		
Tiền hàng phải trả	482.632.000	-
Công ty TNHH con đường xanh Quảng Nam		
Tiền hàng phải trả	3.450.432	-
Công ty TNHH B&O		
Tiền nguyên vật liệu phải trả	-	746.240
Cộng nợ phải trả	4.827.082.432	719.496.240

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

34

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	251.755.776	251.755.776
Trên 01 năm đến 05 năm	629.389.440	881.145.216
Cộng	881.145.216	1.132.900.992

Tập đoàn thuê một số nhà kho và nhà xưởng dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ năm 1996 đến năm 2015 và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.

4. Thông tin bộ phận

Tập đoàn chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh sản phẩm trong ngành may mặc và trong một khu vực địa lý chủ yếu là xuất khẩu.

5. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc các công ty trong Tập đoàn chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Các công ty trong Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Các công ty trong Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.374.491.958	-	-	-	52.374.491.958
Phải thu khách hàng	143.372.114.856	-	-	-	143.372.114.856
Các khoản phải thu khác	1.670.955.672	-	-	-	1.670.955.672
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	12.046.550.000	5.243.370.000	-	-	17.289.920.000
Cộng	209.464.112.486	5.243.370.000	-	-	214.707.482.486
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.672.923.993	-	-	-	30.672.923.993
Phải thu khách hàng	102.689.408.634	-	-	-	102.689.408.634
Các khoản phải thu khác	8.088.156.604	-	-	-	8.088.156.604
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	12.046.550.000	5.243.370.000	-	-	17.289.920.000
Cộng	142.877.444.231	3.816.415.000	-	-	158.740.409.231

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Các công ty trong Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	214.002.154.665	-	-	214.002.154.665
Phải trả người bán	91.909.608.062	-	-	91.909.608.062
Các khoản phải trả khác	1.852.915.213	-	-	1.852.915.213
Cộng	307.764.677.940	-	-	307.764.677.940
Số đầu năm				
Vay và nợ	138.135.013.536	-	-	138.135.013.536
Phải trả người bán	64.090.220.336	-	-	64.090.220.336
Các khoản phải trả khác	2.948.915.513	-	-	2.948.915.513
Cộng	205.174.149.385	-	-	205.174.149.385

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

36

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Các công ty trong Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Các công ty trong Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.151.140,25	3.426,45	1.074.334,41	3.440,57
Phải thu khách hàng	3.938.042,23	-	2.950.186,67	-
Vay và nợ	(10.151.904,87)	-	(6.641.106,42)	-
Phải trả người bán	(2.052.816,12)	-	(1.881.477,19)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(4.665.911,66)	3.440,57	(4.498.062,53)	3.440,57

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do tài sản / (nợ phải trả) thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Các công ty trong Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

37

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	USD	USD
Vay và nợ	(10.151.904,87)	(6.641.106,42)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(10.151.904,87)	(6.641.106,42)

Tập đoàn đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do nợ vay thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư các công ty trong Tập đoàn. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Các công ty trong Tập đoàn quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.15). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Số cuối năm	
Phải thu khách hàng	Một số hàng tồn kho và các khoản phải thu trị giá USD 1,000,000 đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).
Số đầu năm	
Phải thu khách hàng	Một số hàng tồn kho và các khoản phải thu trị giá USD 1,000,000 đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Thông tin khác

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trên báo cáo tài chính hợp nhất chi tiết như sau:

Năm nay	Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn	Công ty TNHH may Sài Gòn Xanh	Công ty TNHH may Tân Mỹ	Loại trừ giao dịch nội bộ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.178.422.872.950	11.075.928.771	151.054.813.539	(112.074.144.623)	1.228.479.470.637
Giá vốn hàng bán	1.030.625.352.655	19.688.500.349	120.903.143.086	(108.845.047.482)	1.062.371.948.608
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	147.797.520.295	(8.612.571.578)	30.151.670.453	(3.229.097.141)	166.107.522.029
Doanh thu hoạt động tài chính	15.566.908.671	16.640.515	465.778.744	-	16.049.327.930
Chi phí tài chính	13.184.019.441	24.589.349	210.021.182	-	13.418.629.972
Chi phí bán hàng	15.041.997.140	253.120.043	3.339.532.593	(1.580.000)	18.633.069.776
Chi phí quản lý doanh nghiệp	64.624.705.483	5.625.478.651	23.661.717.644	(3.093.761.683)	90.818.140.095
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	70.513.706.902	(14.499.119.106)	3.406.177.778	(133.755.458)	59.287.010.116

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2014



Phạm Thị Hà Phương
Người lập biểu



Nguyễn Minh Hằng
Kế toán trưởng



Nguyễn Ân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	88.685.710.000	5.765.652.370	(863.138.686)	5.175.481.758	26.097.866.377	5.830.294.458	31.628.334.235	162.320.200.512
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái đầu năm	-	-	-	(5.175.481.758)	-	-	-	(5.175.481.758)
Giảm thặng dư vốn do phát sinh chỉ phí phát hành	-	(10.000.000)	-	-	-	-	-	(10.000.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	-	-	-	231.117.861	-	(231.117.861)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	51.770.692.602	51.770.692.602
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(22.045.900.000)	(22.045.900.000)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	5.804.898.533	2.063.396.438	(16.575.642.771)	(8.707.347.800)
Chi khen thưởng Hội đồng quản trị và Cán bộ công chức, chi thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	-	(984.102.032)	(984.102.032)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(105.309.859)	(105.309.859)
Số dư cuối năm trước	88.685.710.000	5.755.652.370	(863.138.686)	-	32.133.882.771	7.893.690.896	43.456.954.314	177.062.751.665
Số dư đầu năm nay	88.685.710.000	5.755.652.370	(863.138.686)	-	32.133.882.771	7.893.690.896	43.456.954.314	177.062.751.665
Tăng do phát hành thêm cổ phiếu	17.638.600.000	3.422.670.000	-	-	-	-	-	21.061.270.000
Chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-	-	(8.058.000)	-	-	-	(8.058.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	57.031.517.457	57.031.517.457
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(24.684.899.500)	(24.684.899.500)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	9.152.411.383	974.880.104	(23.855.908.562)	(13.728.617.075)
Chi khen thưởng Hội đồng quản trị và Cán bộ công chức, chi thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	-	(4.172.476.864)	(4.172.476.864)
Số dư cuối năm nay	106.324.310.000	9.178.322.370	(863.138.686)	(8.058.000)	41.286.294.154	8.868.571.000	47.775.186.845	212.561.487.683

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2014



Phạm Thị Hà Phương
Người lập biểu



Nguyễn Minh Hằng
Kế toán trưởng



“ Với sự cải tiến liên tục về phương thức quản trị và điều hành sản xuất theo hệ thống LEAN (lean manufacturing) và chính sách nguồn nhân lực coi **“LAO ĐỘNG LÀ VỐN QUÝ”**, Chúng tôi vững tin rằng Garmex Saigon vẫn là sự lựa chọn đáng tin cậy của Khách hàng và Nhà đầu tư ”

Người đại diện theo pháp luật



NGUYỄN AN



GARMEX

Saigon js

Your reliable partner of choice